

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN LỊCH SỬ



I. PHẦN LỊCH SỬ VIỆT NAM

Chương I. Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất.

1. Nguyên nhân, chính sách khai thác, bóc lột của thực dân Pháp trong đợt khai thác thuộc địa lần thứ hai.

2. Tình hình phân hóa xã hội Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất.

3. Nguyễn Ái Quốc và vai trò của Người đối với việc chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập chính Đảng của giai cấp vô sản ở Việt Nam.

4. Những nét chính về quá trình hình thành ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam. Ý nghĩa lịch sử của sự xuất hiện ba tổ chức cộng sản.

Chương II. Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam (1930 – 1945)

5. Hội nghị thống nhất ba tổ chức cộng sản thành Đảng cộng sản Việt Nam. Ý nghĩa của việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam. Nội dung bản *Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt*.

6. Nguyên nhân bùng nổ, ý nghĩa lịch sử của phong trào Cách mạng 1930 – 1931.

7. Cuộc vận động dân chủ 1936 – 1939.

8. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ VI (11/1939)

9. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ VIII (5/1941).

10. Sự thành lập và đóng góp của mặt trận Việt Minh đối với cách mạng tháng Tám 1945.

11. Nội dung bản chỉ thị “*Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*”. Diễn biến và ý nghĩa của cao trào kháng Nhật cứu nước.

12. Cách mạng tháng Tám 1945: Thời cơ, diễn biến, ý nghĩa lịch sử

Chương III. Cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân (1945 – 1946)

13. Nét chính về tình hình nước ta năm đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám.

14. Đảng và nhân dân ta đã từng bước giải quyết những khó khăn đó như thế nào để bảo vệ thành quả của Cách mạng tháng Tám.

Chương IV. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mĩ (1946 – 1954)

15. Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

16. Chiến dịch Việt Bắc Thu Đông 1947.

17. Chiến dịch Biên giới Thu Đông 1950.

18. Cuộc tiến công chiến lược Đông-xuân 1953-1954.

19. Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ 1954.

20. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Chương V. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, đấu tranh thống nhất đất nước (1954-1975)

21. Phong trào Đồng khởi (1959-1960)
22. Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ-ngụy, trong chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*” Quân và dân ta đã chiến đấu chống “*Chiến tranh đặc biệt*” đó như thế nào?
23. Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ-ngụy, trong chiến lược “*Chiến tranh cục bộ*” Quân và dân ta đã chiến đấu chống “*Chiến tranh cục bộ*” đó như thế nào?
24. Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ-ngụy, trong chiến lược “*Việt Nam hóa*” chiến tranh. Quân và dân ta đã chiến đấu chống chiến lược “*Việt Nam hóa*” chiến tranh ra sao?
25. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975: Chủ trương, kế hoạch của ta, diễn biến, kết quả, nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử.
26. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Chương VI. Công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc xã hội chủ nghĩa (1975-1991)

27. Hoàn cảnh lịch sử, chủ trương, đường lối đổi mới của Đảng ta và những thành tựu cơ bản của công cuộc đổi mới của nước ta từ 1986 đến năm 2000

II. PHẦN LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Bài 1. Liên Xô và các nước Đông Âu sau chiến tranh thế giới thứ hai.

1. Liên Xô và các nước Đông Âu xây dựng CNXH (từ năm 1945 đến nửa đầu những năm 70), những thành tựu và ý nghĩa.
2. Quan hệ hợp tác giữa Liên Xô, các nước Đông Âu và các nước XHCN khác.

Bài 2. Các nước Á – Phi – Mỹ La Tinh sau chiến tranh thế giới thứ hai.

3. Cuộc nội chiến 1946 – 1949 ở Trung Quốc.
4. Những biến đổi về kinh tế, chính trị, xã hội ở Đông Nam Á trước và sau chiến tranh thế giới thứ hai
5. Quá trình thành lập, mục tiêu và phát triển của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN). Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam khi gia nhập tổ chức này.
6. Các giai đoạn phát triển và thắng lợi của Cách mạng GPDT ở Châu Phi từ 1945 đến nay.
7. Các giai đoạn phát triển và thắng lợi của Cách mạng GPDT ở Mỹ La Tinh từ 1945 đến nay.

Bài 3. Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu sau chiến tranh thế giới thứ hai

8. Tình hình nước Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.
9. Tình hình Nhật Bản từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.

Bài 4. Quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai

10. Hội nghị Ianta và việc hình thành trật tự thế giới mới sau chiến tranh.
11. Mục đích, nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên Hợp Quốc. Đánh giá về vai trò của Liên Hợp Quốc trước những biến động của tình hình thế giới hiện nay.
12. Nguyên nhân của chiến tranh lạnh và sự sụp đổ của “Trật tự hai cực Ianta”. Xu thế trật tự thế giới mới hình thành

Bài 5. Sự phát triển của khoa học kỹ thuật sau chiến tranh thế giới thứ hai.

13. Nguồn gốc, nội dung và những thành tựu chính của cuộc cách mạng khoa học-kỹ thuật lần thứ hai.

14. Tác động của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đối với sự phát triển kinh tế và đời sống con người.

PHẦN GỢI Ý TRẢ LỜI



A. PHẦN LỊCH SỬ VIỆT NAM

I. GIAI ĐOẠN 1919-1930

Câu 1. Nguyên nhân, chính sách khai thác bóc lột của thực dân Pháp trong đợt khai thác thuộc địa lần thứ hai.

a. Nguyên nhân:

-Sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) đế quốc Pháp tuy là nước thắng trận, nhưng nền kinh tế bị tàn phá nặng nề. Các ngành sản xuất công, nông, thương nghiệp và giao thông vận tải giảm sút nghiêm trọng. Các khoản đầu tư vào nước Nga bị mất trắng, đồng phrăng mất giá...

-Cuộc khủng hoảng thiếu trong các nước tư bản sau chiến tranh thế giới thứ nhất càng làm cho nền kinh tế Pháp gặp nhiều khó khăn. Pháp trở thành con nợ lớn trước hết là của Mỹ. Vị thế cường quốc trong hệ thống tư bản chủ nghĩa của Pháp bị suy giảm nghiêm trọng. Vì vậy Pháp cần phát triển vươn lên để khẳng định lại vị thế của mình.

-Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, nhu cầu về nguyên liệu (cao su), nhiên liệu (than đá) rất cao, và đó cũng là ngành thu lợi nhuận cao.

b. Mục đích: Để bù đắp lại những thiệt hại to lớn do chiến tranh gây ra và nhằm củng cố lại địa vị kinh tế của Pháp trong hệ thống tư bản chủ nghĩa. Một mặt đế quốc Pháp đẩy mạnh sản xuất và bóc lột nhân dân lao động trong nước, mặt khác chúng đẩy mạnh khai thác thuộc địa, trong đó có thuộc địa Đông Dương.

c. Nội dung chương trình khai thác:

***Về thời gian.** Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp ở Đông Dương chính thức được triển khai từ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất và kéo dài cho đến trước cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933)

***Đặc điểm.** Đặc điểm nổi bật nhất so với đợt khai thác lần thứ nhất là trong chương trình khai thác lần này Pháp chủ trương đầu tư một cách ồ ạt, trên qui mô lớn và tốc độ nhanh chưa từng thấy. Chỉ tính từ 1924 đến 1929, tổng số vốn đầu tư vào nước ta đã tăng lên gấp 6 lần so với 20 năm trước chiến tranh.

***Nội dung chương trình khai thác.** Thực dân Pháp chủ trương đầu tư khai thác vào trong tất cả các ngành, song hai ngành được chú trọng đầu tư nhiều nhất đó là nông nghiệp và công nghiệp.

-*Trong nông nghiệp:* Chúng đẩy mạnh việc cướp đoạt ruộng đất của nông dân để lập các đồn điền mà chủ yếu là đồn điền lúa và cao su. Năm 1927, vốn đầu tư vào nông nghiệp của Pháp là 400 triệu Phrăng (gấp 10 lần trước chiến tranh); diện tích trồng cao su tăng từ 15 ngàn hécta năm 1918 lên 120 ngàn hécta năm 1930.

-*Trong công nghiệp:* Chúng đẩy mạnh việc khai thác mỏ (chủ yếu là mỏ than).... đồng thời mở thêm một số xí nghiệp công nghiệp chế biến như giấy, gỗ, diêm, rượu,

xay xát), hoặc dịch vụ điện, nước.....vừa nhằm tận dụng nguồn nhân công rẻ mạt, vừa tận dụng nguồn nguyên liệu dồi dào để phục vụ nhu cầu tại chỗ để kiếm lợi nhuận.

**Pháp chú ý khai thác hai ngành này là vì:*

+Chỉ cần bỏ vốn ít mà thu lợi nhuận cao, thu hồi vốn nhanh.

+Không làm ảnh hưởng đến sự phát triển của nền công nghiệp chính quốc.

-Về thương nghiệp: Pháp độc chiếm thị trường Việt Nam, nắm độc quyền về xuất nhập khẩu bằng cách đánh thuế nặng vào hàng hóa các nước ngoài, chủ yếu là của Trung Quốc và Nhật Bản, còn hàng hóa của Pháp thì được tự do đưa vào Đông Dương với mức thuế rất thấp.

-Về giao thông vận tải: Đầu tư mở thêm nhiều tuyến đường mới như đường sắt, đường thủy, đường bộ, nối các trung tâm kinh tế, các khu vực khai thác nguyên liệu, để phục vụ cho công cuộc khai thác và mục đích quân sự.

-Về tài chính:

+Ngân hàng Đông Dương chi phối toàn bộ các hoạt động kinh tế Đông Dương.

+Pháp ra sức vơ vét bóc lột nhân dân ta bằng hình thức cổ truyền đó là thuế, đặc biệt là thuế thân, thuế rượu, thuế muối, thuốc phiện vô cùng man rợ.

Tóm lại, chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của tư bản Pháp có điểm mới so với lần trước là tăng cường đầu tư vốn, kỹ thuật và mở rộng sản xuất để kiếm lời song về cơ bản vẫn không thay đổi: Hết sức hạn chế sự phát triển công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp nặng, nhằm cột chặt nền kinh tế Đông Dương với kinh tế Pháp và biến Đông Dương thành thị trường độc chiếm của tư bản Pháp.

Câu 2. Tình hình phân hóa xã hội Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất. Thái độ chính trị và khả năng cách mạng của từng tầng lớp, giai cấp.

Dưới tác động của chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp đã làm cho xã hội Việt Nam bị phân hóa sâu sắc hơn: Bên cạnh những giai cấp cũ vẫn còn tồn tại và bị phân hóa như địa chủ phong kiến và nông dân, giờ đây xuất hiện những tầng lớp giai cấp mới: Tư sản; Tiểu tư sản; giai cấp công nhân. Mỗi tầng lớp, giai cấp có quyền lợi và địa vị khác nhau, nên cũng có thái độ chính trị và khả năng cách mạng khác nhau trong cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp.

a. Giai cấp địa chủ phong kiến: Là chỗ dựa chủ yếu của Pháp, được Pháp dung dưỡng nên ngày càng gắn kết chặt chẽ với Pháp trong việc cướp đoạt ruộng đất, tăng cường bóc lột về kinh tế và đàn áp về chính trị đối với nhân dân. Vì thế chúng **không có khả năng cách mạng**. Tuy nhiên họ là người Việt Nam, nên cũng có một bộ phận nhỏ hoặc cá nhân có tinh thần yêu nước và sẵn sàng tham gia cách mạng khi có điều kiện.

b. Giai cấp nông dân: Chiếm trên 90% dân số, họ bị đế quốc và phong kiến bóc lột nặng nề, nên bị bán rẫy hóa và phá sản trên quy mô lớn, họ căm thù thực dân và phong kiến. Vì vậy giai cấp nông dân Việt Nam là **lực lượng đông đảo và hăng hái nhất của cách mạng**

c. Giai cấp tư sản: Ra đời sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, chủ yếu là tiểu chủ trung gian làm thầu khoán, cung cấp nguyên vật liệu, hay làm đại lý hàng hóa cho Pháp. Do quyền lợi kinh tế và thái độ chính trị nên giai cấp tư sản Việt Nam chia làm hai bộ phận:

- *Bộ phận tư sản mại bản:* Có quyền lợi gắn liền với đế quốc nên câu kết chặt chẽ với đế quốc.

- *Bộ phận tư sản dân tộc:* Có khuynh hướng làm ăn riêng, kinh doanh độc lập, bị Pháp chèn ép nên ít nhiều ***có tinh thần dân tộc, dân chủ nhưng yếu kém để thỏa hiệp.***

d. Tầng lớp tiểu tư sản: Ra đời cùng thời gian với giai cấp tư sản, gồm nhiều thành phần như học sinh, sinh viên, viên chức, trí thức, những người làm nghề tự do, buôn bán nhỏ.....thường xuyên bị bọn đế quốc bạc đãi, khinh rẻ, đời sống bấp bênh gặp nhiều khó khăn, dễ bị xô đẩy vào con đường phá sản và thất nghiệp. Trong đó bộ phận trí thức, học sinh, sinh viên có điều kiện tiếp xúc với những trào lưu tư tưởng tiến bộ từ bên ngoài. Vì thế họ là ***lực lượng hăng hái nhất, thường đi đầu trong các phong trào, là lực lượng quan trọng của cách mạng.***

g. Giai cấp công nhân: Ra đời trong đợt khai thác thuộc địa lần thứ nhất, phát triển nhanh chóng về số lượng và chất lượng trong đợt khai thác thuộc địa lần thứ hai (trước chiến tranh có 10 vạn, đến năm 1929 có hơn 22 vạn)

Ngoài những đặc điểm chung của giai cấp công nhân quốc tế, như đại diện cho lực lượng sản xuất tiên bộ nhất của xã hội, có hệ tư tưởng riêng, có điều kiện lao động và sinh sống tập trung, có ý thức tổ chức và kỷ luật cao, tinh thần cách mạng triệt để ...giai cấp công nhân Việt Nam còn có những đặc điểm riêng

- Bị ba tầng áp bức bóc lột của đế quốc, phong kiến và tư sản người Việt.
- Có quan hệ tự nhiên gắn bó với giai cấp nông dân.
- Kế thừa truyền thống yêu nước anh hùng, bất khuất của dân tộc.
- Có điều kiện tiếp thu chủ nghĩa Mac-Lê Nin và trào lưu cách mạng thế giới , đặc biệt là Cách mạng tháng Mười Nga.

Do hoàn cảnh ra đời, cùng với những phẩm chất nói trên, giai cấp công nhân Việt Nam sớm trở thành một lực lượng xã hội độc lập và tiên tiến nhất. Vì vậy ***giai cấp công nhân hoàn toàn có khả năng nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo cách mạng.***

Câu 3. Nguyễn Ái Quốc và vai trò của Người đối với việc chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập chính Đảng của giai cấp vô sản ở Việt Nam.

1. Vài nét về tiểu sử: Nguyễn Ái Quốc, hồi nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung, lớn lên đổi là Nguyễn Tất Thành. Sinh ngày 19/5/1890 ở thôn Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Người sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo yêu nước, trên quê hương giàu truyền thống đấu tranh cách mạng, lớn lên trong cảnh nước nhà bị thực dân Pháp đô hộ và xâm lược. Người có điều kiện tiếp xúc với các nhà cách mạng đương thời, và sớm nhận thấy những hạn chế trong chủ trương cứu nước của các bậc tiền bối, nên Người quyết định sang phương Tây tìm đường cứu nước.

2.Hành trình tìm đường cứu nước(từ 1911 đến 1920)

-Ngày 5/6/1911,từ cảng nhà Rồng (Sài Gòn), lấy tên là Nguyễn Văn Ba, Người làm phụ bếp cho chiếc tàu vận tải Latusơ Têrovin (tàu buôn của Pháp) và bắt đầu cuộc hành trình tìm đường cứu nước.

-Từ 1911 đến 1917, Người đến hầu khắp các châu lục Âu, Phi, Mỹ cuối năm 1917 Người trở lại Pháp. Sau nhiều năm bôn ba ở hải ngoại đã giúp người nhận rõ đâu là bạn, đâu là thù.*(Nhân xét quan trọng đầu tiên của Người là:Bất luận ở đâu cũng chỉ có hai loại người, đó là:Thiếu số đi áp bức bóc lột còn đại đa số quần chúng nhân dân lao động là những người bị áp bức bóc lột.Giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở đâu cũng là bạn còn chủ nghĩa đế quốc ở đâu cũng là thù)*

-Năm 1917 Cách mạng tháng Mười Nga thành công, đã ảnh hưởng đến hoạt động cứu nước của người.

-Năm 1919, người gửi đến hội nghị Vecxai bản yêu sách 8 điểm, đòi quyền tự do dân chủ, quyền bình đẳng và quyền tự quyết cho dân tộc. Đây là đòn trực diện đầu tiên giáng vào bọn đế quốc và gây tiếng vang lớn đối với nhân dân Việt Nam, nhân dân Pháp và nhân dân các thuộc địa Pháp.

-Tháng 7/1920, Người đọc “*Sơ thảo luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa*” của Lê Nin. Luận cương đã vạch ra đường lối chiến lược và sách lược của cách mạng giải phóng dân tộc, đồng thời khẳng định lập trường ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở phương Đông của Quốc tế cộng sản. Từ đó người hoàn toàn tin theo Lê Nin, đứng về Quốc tế thứ ba.

-Tháng 12/1920, tại Đại hội Đảng xã hội Pháp họp ở Tour, Người bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế ba và tham gia thành lập Đảng cộng sản Pháp. Đây là bước ngoặt lớn trong cuộc đời hoạt động của Người. Từ một người Việt Nam yêu nước đã trở thành người cộng sản quốc tế.

Như vậy sau nhiều năm bôn ba ở hải ngoại, Người đã tìm ra được con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc, đó là con đường kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, kết hợp tinh thần yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản.

3.Vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với việc chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập chính Đảng của giai cấp vô sản ở Việt Nam.

a.Quá trình chuẩn bị về chính trị, tư tưởng:

-Năm 1921, Người sáng lập “*Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa*” để đoàn kết các lực lượng cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc.

-Năm 1922, Hội ra tờ báo “*Người cùng khổ*”, để vạch trần chính sách đàn áp bóc lột dã man của chủ nghĩa đế quốc, góp phần làm thức tỉnh các dân tộc bị áp bức đứng lên đấu tranh tự giải phóng.

-Năm 1923, Người đi Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế nông dân, sau đó làm việc ở Quốc tế cộng sản

-Năm 1924, Người dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế cộng sản, và đọc tham luận tại Đại hội....

Trong giai đoạn này, những hoạt động của Người chủ yếu trên mặt trận chính trị tư tưởng nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác-Lê Nin vào nước ta. Những tư tưởng mà người truyền bá sẽ là nền tảng tư tưởng của Đảng ta sau này. Những tư tưởng đó là:

-Chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc là kẻ thù chung của giai cấp vô sản và nhân dân các nước thuộc địa.

-Chỉ có làm cách mạng đánh đổ chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc thì mới có thể giải phóng giai cấp vô sản và nhân dân các nước thuộc địa. Đó chính là mối quan hệ giữa cách mạng chính quốc và cách mạng thuộc địa.

-Xác định giai cấp công nhân và nông dân là lực lượng nòng cốt của cách mạng.

-Giai cấp công nhân có đủ khả năng lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng cộng sản được vũ trang bằng học thuyết Mác-Lê Nin.

b. Sự chuẩn bị về tổ chức:

-Tháng 12/1924, Người từ Liên Xô về Quảng Châu (*Trung Quốc*) để trực tiếp chuẩn bị về tổ chức cho việc thành lập chính Đảng của giai cấp vô sản ở Việt Nam.

-Khi về đến Quảng Châu, Người đã tiếp xúc với các nhà cách mạng Việt Nam đang hoạt động ở đây. Người chọn một số thanh niên hăng hái trong tổ chức “*Tâm tâm xã*” (Tổ chức của những người Việt Nam yêu nước tại Quảng Châu), và những thanh niên hăng hái từ trong nước mới sang theo tiếng gọi của tiếng bom Sa Diện của Phạm Hồng Thái, để thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (6/1925) mà nòng cốt là Cộng sản đoàn, tổ chức tiền thân của Đảng.

-Tại Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc đã mở nhiều lớp huấn luyện để đào tạo và bồi dưỡng cán bộ cách mạng. Những bài giảng của người được in và xuất bản thành sách “*Đường Kách mệnh*” 1927

-Từ ngày 3 đến 7/2/1930, tại Cửu Long (*Hương cảng Trung Quốc*) Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng cộng sản Việt Nam.

Tóm lại, những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đã có tác dụng quyết định trong việc chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập chính Đảng của giai cấp vô sản ở Việt Nam.

Câu 4. Những nét chính về quá trình hình thành ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam. Ý nghĩa lịch sử của sự xuất hiện ba tổ chức cộng sản.

4.1. Hoàn cảnh lịch sử:

***Thế giới:**

-Cách mạng dân tộc dân chủ Trung Quốc phát triển mạnh, vụ phản biến của Tưởng Giới Thạch làm cho công xã Quảng Châu thất bại đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho cách mạng Việt Nam.

-Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản với những nghị quyết quan trọng về phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa.

***Trong nước:**

-Từ cuối năm 1928 đầu năm 1929 phong trào dân tộc dân chủ ở nước ta phát triển mạnh. Đặc biệt là phong trào công nông theo khuynh hướng vô sản, giai cấp công nhân thật sự trưởng thành, đặt ra yêu cầu cấp thiết là phải có Đảng cộng sản để kịp thời lãnh đạo phong trào.

-Lúc này Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên không còn đủ sức lãnh đạo nên trong nội bộ của Hội diễn ra một cuộc đấu tranh gay gắt xung quanh vấn đề thành lập Đảng. Hoàn cảnh đó dẫn đến sự phân hóa của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và tổ chức Tân Việt dẫn đến sự ra đời của ba tổ chức cộng sản trong năm 1929.

4.2. Quá trình thành lập:

•Đông Dương cộng sản đảng:

-Cuối tháng 3/1929 một số hội viên tiên tiến của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Bắc kì, trong đó có Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên gồm 7 người, tại số nhà 5D phố Hàm Long- Hà Nội.

-Tháng 5/1929 tại Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên họp ở Hương Cảng, đoàn đại biểu Bắc Kỳ đưa ra đề nghị thành lập Đảng cộng sản nhưng không được chấp nhận, họ bỏ đại hội về nước.

-Tháng 6/1929 nhóm trung kiên cộng sản Bắc Kỳ đã họp tại số nhà 312 phố Khâm Thiêng-Hà Nội quyết định thành lập Đông Dương cộng sản đảng, thông qua tuyên ngôn, Điều lệ Đảng, báo Búa liềm và hoạt động chủ yếu ở Bắc Kỳ

•**An Nam cộng sản đảng:** Sự ra đời và hoạt động của Đông Dương cộng sản đảng đã ảnh hưởng tích cực đến bộ phận còn lại của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Nam Kỳ. Tháng 9/1929 số hội viên còn lại của Hội ở Nam Kỳ quyết định thành lập An Nam cộng sản đảng.

•**Đông Dương cộng sản liên đoàn:** Sự ra đời và hoạt động của Đông Dương cộng sản đảng và An Nam cộng sản đảng đã đẩy nhanh quá trình phân hóa của tổ chức Tân Việt. Tháng 9/1929 các hội viên tiên tiến của Tân Việt quyết định thành lập Đông Dương cộng sản liên đoàn hoạt động chủ yếu ở Trung Kỳ.

4.3 Ý nghĩa lịch sử của sự xuất hiện ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

-Đánh dấu sự trưởng thành của giai cấp công nhân Việt Nam.

-Chứng tỏ xu hướng cách mạng vô sản đang phát triển mạnh mẽ ở nước ta.

-Là bước chuẩn bị trực tiếp cho việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam.

II. GIAI ĐOẠN 1930-1945

Câu 5. Hội nghị thống nhất ba tổ chức cộng sản thành Đảng cộng sản Việt Nam. Ý nghĩa của việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam. Nội dung của bản Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt.

5.1/Hội nghị thành lập Đảng.

a.Hoàn cảnh lịch sử:

-Cuối năm 1929, phong trào công nhân và phong trào yêu nước phát triển mạnh trong đó giai cấp công nhân thật sự trở thành một lực lượng tiên phong.

-Năm 1929 ở nước ta lần lượt xuất hiện ba tổ chức cộng sản đã thúc đẩy phong trào cách mạng phát triển, song cả ba tổ chức đều hoạt động riêng rẽ công kích lẫn nhau, tranh giành ảnh hưởng trong quần chúng, gây trở ngại lớn cho phong trào cách mạng. Yêu cầu cấp thiết của cách mạng Việt Nam lúc này là phải có sự lãnh đạo thống nhất của một chính đảng vô sản.

-Được sự ủy nhiệm của Quốc tế cộng sản, Nguyễn Ái Quốc từ Xiêm về Hương Cảng (Trung Quốc) để triệu tập Hội nghị thành lập Đảng họp từ 3 đến ngày 7 tháng 2 năm 1930 tại Cửu Long (Hương Cảng –Trung Quốc).

b.Nội dung Hội nghị:

-Thông nhất ba tổ chức cộng sản để thành lập một Đảng duy nhất lấy tên là Đảng cộng sản Việt Nam.

-Thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, và điều lệ tóm tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.

-Bầu ban chấp hành Trung ương lâm thời.

**Ý nghĩa của Hội nghị thành lập Đảng:* Hội nghị có ý nghĩa và giá trị như một Đại hội thành lập Đảng vì đã thông qua đường lối cho cách mạng Việt Nam.

c.Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng.

-Đảng cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp trong thời đại mới, là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác-Lê Nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam trong những năm 20 của thế kỷ XX.

-Đảng ra đời là một bước ngoặt lịch sử vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam, Vì:

+Đối với giai cấp công nhân: Chúng ta giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng.

+Đối với dân tộc: Chấm dứt thời kì khủng hoảng về mặt đường lối, và giai cấp lãnh đạo, từ đây khẳng định quyền lãnh đạo tuyệt đối của Đảng cộng sản Việt Nam. Từ đây cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới.

-Đảng ra đời là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính chất quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt về sau của cách mạng.

d.Nội dung bản Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt.

**Đường lối của Cách mạng Việt Nam:* Cách mạng Việt Nam phải trải qua hai giai đoạn: Trước hết làm cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng, sau đó làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hai giai đoạn cách mạng kế tiếp nhau không tách rời nhau.

*.*Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam.*Đánh đổ ách thống trị của đế quốc Pháp, vua quan phong kiến và tư sản phản cách mạng (nhiệm vụ dân tộc và dân chủ)

*.*Mục tiêu của cách mạng:* Làm cho nước Việt nam hoàn toàn độc lập, dựng nên chính phủ và quân đội công nông, tịch thu sản nghiệp của bọn đế quốc, địa chủ, tư sản phản cách mạng đem chia cho dân cày.

*.*Lực lượng cách mạng:* Công nông là gốc của cách mạng đồng thời phải liên kết với Tiểu tư sản, tư sản dân tộc và trung tiểu địa chủ chưa lộ rõ phản cách mạng.

*.*Lãnh đạo cách mạng:* Là Đảng cộng sản Việt Nam đội tiên phong của giai cấp vô sản

*.*Quan hệ quốc tế:* Cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít của Cách mạng thế giới

***Nhận xét:*Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo tuy còn vắn tắt nhưng là một cương lĩnh đúng đắn và sáng tạo nhuần nhuyễn về quan điểm giai cấp, thấm đượm tinh thần dân tộc và tinh thần nhân văn. Độc lập dân tộc và tự do là tư tưởng cốt lõi của cương lĩnh.

5.2/Hội nghị lần thứ nhất của Ban chấp hành Trung ương Đảng 10/1930.

a.Hoàn cảnh ltriệu tập Hội nghị.

-Vừa mới ra đời Đảng cộng sản Việt Nam đã phát động được một cao trào cách mạng rộng lớn, với đỉnh cao Xô viết Nghệ -Tĩnh.

-Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào cách mạng đang dâng cao. Ban chấp hành Trung ương Đảng đã triệu tập Hội nghị lần thứ nhất vào 10/1930, tại Hương Cảng (Trung Quốc) do đồng chí Trần Phú chủ trì.

b.Nội dung Hội nghị.

-Đổi tên Đảng cộng sản Việt Nam thành Đảng cộng sản Đông Dương.

-Thảo luận và thông qua Luận cương chính trị 10/1930 do Đồng chí Trần Phú soạn thảo.

-Bầu BCH TW chính thức do Trần Phú làm tổng bí thư.

c.Những điểm chủ yếu trong luận cương chính trị tháng 10/1930.

*.*Đường lối của cách mạng:* Lúc đầu làm cách mạng tư sản dân quyền sau khi thắng lợi tiến thẳng lên cách mạng xã hội chủ nghĩa bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa

*.*Nhiệm vụ của cách mạng:* Đánh đổ phong kiến và đế quốc.Hai nhiệm vụ đó khăng khít nhau.

*.*Mục tiêu của cách mạng:* Làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

*.*Lực lượng tham gia:* Công nhân và nông dân là gốc của cách mạng.

*.*Lãnh đạo cách mạng:* Là Đảng cộng sản Đông Dương.

*.*Quan hệ quốc tế.*Cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng thế giới.

****Nhận xét:** Luận cương đã xác định được nhiều vấn đề thuộc về chiến lược cách mạng nhưng cũng bộc lộ một số nhược điểm và hạn chế:

-Chưa vạch rõ được mâu thuẫn chủ yếu của xã hội thuộc địa nên không nêu cao được vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu, mà còn nặng về đấu tranh giai cấp, vấn đề ruộng đất.

-Đánh giá không đúng khả năng cách mạng của các giai cấp ngoài công nông như tư sản, tiểu tư sản và một bộ phận giai cấp địa chủ.

Câu 6. Phong trào cách mạng 1930-1931 với đỉnh cao là Xô Viết Nghệ-Tĩnh.

1. Nguyên nhân bùng nổ phong trào cách mạng 1930-1931.

-Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 làm cho nền kinh tế nước ta tiêu điều, xơ xác đời sống nhân dân lao động hết sức cơ cực nhất là hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

-Do chính sách khủng bố trắng của thực dân Pháp sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái.

-Đảng cộng sản Việt Nam ra đời 3/2/1930 với đường lối cách mạng đúng đắn đã kịp thời lãnh đạo phong trào.

Từ ba nguyên nhân trên dẫn tới sự bùng nổ của phong trào cách mạng 1930-1931 ở nước ta. Trong ba nguyên nhân đó thì nguyên nhân Đảng ra đời và lãnh đạo là nguyên nhân cơ bản và quyết định nhất

2. Chủ trương của Đảng.

a. *Nhận định kẻ thù:* Đế quốc Pháp và địa chủ phong kiến.

b. *Nhiệm vụ:* Chống đế quốc giành độc lập dân tộc chống phong kiến giành ruộng đất cho dân cày.

c. *Hình thức tập hợp lực lượng:* Bước đầu thực hiện liên minh công nông.

d. *Hình thức đấu tranh:* Sử dụng hình thức đấu tranh chính trị của quần chúng là chủ yếu như mít tinh, biểu tình, bãi công, biểu tình có vũ trang, hoạt động bí mật.

3. Diễn biến của phong trào cách mạng 1930-1931. Chia làm hai thời kì

a. *Thời kì từ tháng 2 đến tháng 5/1930.* Phong trào diễn ra mạnh mẽ trên phạm vi toàn quốc.

-2/1930: 3000 công nhân đồn điền cao su Phú Riềng (Nam Bộ) bãi công đòi tăng lương giảm giờ làm.

-4/1930: Công nhân nhà máy sợi Nam Định, nhà máy diêm và nhà máy cưa Bến Thủy, nhà máy xi măng Hải Phòng bãi công.

-Trong nửa đầu năm 30 cùng với phong trào của công nhân thì phong trào của nông dân cũng diễn ra ở nhiều địa phương thuộc các tỉnh Thái Bình, Hà Nam, Nghệ An, Hà Tĩnh. Điểm mới của phong trào trong thời kì này là xuất hiện nhiều truyền đơn, cờ đỏ búa liềm của Đảng xuất hiện ở nhiều địa phương.

-Đặc biệt trong ngày quốc tế lao động 1/5/1930 lần đầu tiên công nông và quần chúng khắp từ Bắc chí Nam đã biểu dương lực lượng của mình thông qua các cuộc mít tinh, biểu tình. Sau ngày 1/5 phong trào tiếp tục dâng cao.

b. Thời kì từ tháng 5 đến tháng 10/ 1930. Phong trào tiếp tục phát triển trên qui mô cả nước nhưng đỉnh cao là hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

-Ngày 1/5/1930 (*nhân ngày quốc tế lao động*). Công nhân nhà máy diêm và nhà máy cưa Bến Thủy(Nghệ An) cùng hàng vạn nông dân các vùng phụ cận thị xã Vinh biểu tình gương cao cờ đỏ búa liềm đòi tăng lương giảm giờ làm.

-Ngày 1/8/1930 (*nhân ngày quốc tế chống chiến tranh*) Phong trào phát triển lên một bước mới: Công nhân khu công nghiệp Vinh-Bến thủy tổng bãi công, báo hiệu thời kì đấu tranh quyết liệt đã đến.....

-Đỉnh cao của phong trào cách mạng là cuộc biểu tình ngày 12/9/ 1930 của 2 vạn nông dân ở Hưng Nguyên (Nghệ An) biểu tình. Thực dân Pháp đàn áp làm 217 người chết; 126 người bị thương làm cho nhân dân vô cùng căm phẫn.

Trong suốt tháng 9 và tháng 10 nông dân ở các huyện Thanh Chương, Diễn Châu (Nghệ An), Hương Sơn (Hà Tĩnh) đã khởi nghĩa vũ trang, công nhân khu công nghiệp Vinh-Bến thủy tiếp tục bãi công lần thứ hai làm cho phong trào trở nên hết sức quyết liệt.

Trước khí thế đấu tranh của quần chúng chính quyền địch ở nhiều địa phương bị tan rã. Ở đó các ban chấp hành nông hội đã đứng ra quản lý mọi mặt đời sống chính trị, xã hội theo kiểu các xô viết. Lần đầu tiên nhân dân ta thực sự nắm chính quyền ở địa phương.

4. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm

a. Ý nghĩa lịch sử:

-Phong trào cách mạng 1930-1931 mà đỉnh cao là Xô Viết Nghệ Tĩnh là một sự kiện lịch sử trọng đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam, đã giáng một đòn quyết liệt đầu tiên vào bè lũ đế quốc và phong kiến tay sai.

-Qua thực tiễn phong trào cho thấy dưới sự lãnh đạo của Đảng thì giai cấp công nhân, nông dân đoàn kết với các tầng lớp nhân dân khác có khả năng lật đổ nền thống trị của đế quốc và phong kiến tay sai.

-Đó là cuộc tổng diễn tập đầu tiên của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, chuẩn bị cho sự thắng lợi của cách mạng tháng Tám sau này.

b. Bài học kinh nghiệm. Phong trào để lại nhiều bài học kinh nghiệm:

-Bài học về vai trò lãnh đạo của Đảng.

-Bài học về xây dựng khối liên minh công nông.

-Bài học về sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng để giành chính quyền.

-Bài học về xây dựng chính quyền của dân, do dân, vì dân.

Chính vì những lẽ trên, phong trào cách mạng 1930-1931 mà đỉnh cao là Xô-Viết Nghệ-Tĩnh là cuộc diễn tập đầu tiên chuẩn bị cho cách mạng tháng tám 1945.

Tham khảo.

Xô Viết Nghệ Tĩnh là hình thức sơ khai của chính quyền công nông ở nước ta. Chính quyền của dân do dân vì dân

1.Xô Viết Nghệ Tĩnh là Chính quyền của dân do dân vì dân: Vì Xô Viết Nghệ Tĩnh đã đem lại nhiều lợi ích căn bản cho nhân dân.

a.*Về kinh tế:* Chia lại ruộng đất cho nông dân, giảm tô, xóa nợ, bỏ các thứ thuế vô lý, tổ chức sản xuất.

b.*Chính trị:* Chính quyền do nhân dân quản lý, thực hiện các quyền tự do dân chủ tự do hội họp, tự do tham gia các hoạt động đoàn thể...

c.*Xã hội:* Phát động phong trào đời sống văn hóa mới, bài trừ mê tín dị đoan, xóa bỏ các tục lệ lạc hậu, dạy chữ quốc ngữ....

d.*Quân sự:* Mỗi làng đều có đội tự vệ vũ trang

2.Xô Viết Nghệ Tĩnh là hình thức nhà nước sơ khai. Vì Xô Viết Nghệ Tĩnh chưa lập được bộ máy chính quyền hoàn chỉnh, chưa giải quyết triệt để vấn đề ruộng đất

Nhận xét: Tuy chỉ tồn tại trong thời gian ngắn (đến giữa năm 1931) nhưng chính quyền Xô Viết Nghệ Tĩnh đã tỏ rõ bản chất cách mạng và tính ưu việt của mình. Đó là chính quyền công nông đầu tiên ở nước ta. Chính quyền của dân, do dân, vì dân.

Câu 7.Cuộc vận động dân chủ1936-1939.

1.Hoàn cảnh lịch sử

a.Tình hình thế giới

-Sau cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933, chủ nghĩa phát xít xuất hiện và lên cầm quyền ở Đức, Ý, Nhật, trở thành mối hiểm họa lớn đang đe dọa nền hòa bình thế giới.

-Đại Hội lần thứ VII của Quốc tế cộng sản chỉ rõ:

+Kẻ thù nguy hiểm của nhân nhân thế giới là chủ nghĩa phát xít.

+Chủ trương thành lập mặt trận nhân dân ở các nước để chống chủ nghĩa phát xít

-Ở Pháp năm 1936 Mặt trận nhân dân thắng cử và lên cầm quyền.Chính phủ mặt trận nhân dân Pháp đã thi hành một số chính sách tự do, dân chủ ở thuộc địa...

bTình hình trong nước:

-Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 1933 và chính sách khủng bố kéo dài của thực dân pháp đã làm cho đời sống nhân dân Đông Dương hết sức ngột ngạt, yêu cầu cải thiện đời sống và các quyền tự do dân chủ được đặt ra một cách bức thiết.

-Đảng và lực lượng cách mạng đã được phục hồi.

2.Chủ trương của Đảng: Căn cứ tình hình thế giới và trong nước vận dụng đường lối của Quốc tế cộng sản, Hội nghị Trung ương Đảng đã đề ra chủ trương mới.

-*Xác định kẻ thù:* Kẻ thù cụ thể chủ yếu trước mắt của nhân dân Đông Dương chưa phải là bọn thực dân Pháp nói chung mà là bọn thực dân phản động thuộc địa Pháp

-*Xác định nhiệm vụ:* Nhiệm vụ trước mắt của nhân dân Đông Dương là chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh đế quốc, đòi những quyền tự do dân chủ, cơm áo và hòa bình.

-Hình thức tập hợp lực lượng: Chủ trương thành lập mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương (sai đổi thành mặt trận dân chủ Đông Dương 3/1938) để tập hợp đông đảo mọi lực lượng yêu nước dân chủ tiến bộ.

-Hình thức và phương pháp đấu tranh: Vận dụng nhiều hình thức đấu tranh công khai, hợp pháp, nửa công khai, đấu tranh chính trị, nghị trường, báo chí.....

-Lực lượng tham gia: Gồm nhiều tầng lớp giai cấp như công nhân, nông dân, trí thức, dân nghèo thành thị.....

3. Các phong trào tiêu biểu trong phong trào dân chủ 1936-1939

a. Phong trào Đông Dương Đại hội (Đại hội Đông Dương) 8/1936

Giữa năm 1936 được tin chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp cử một phái đoàn sang điều tra tình hình Đông Dương, nhân điều kiện đó Đảng phát động một phong trào đấu tranh công khai hợp pháp, vận động thành lập ủy ban trừ bị nhằm thu thập nguyện vọng của nhân dân tiến tới Đại hội của nhân dân Đông Dương.

Phong trào diễn ra sôi nổi các ủy ban hành động nối tiếp nhau ra đời ở nhiều địa phương trong cả nước. Quần chúng sôi nổi tổ chức các cuộc mít tinh, hội họp, diễn thuyết để thu thập dân nguyện đòi chính phủ mặt trận nhân dân Pháp thả tù chính trị, thi hành luật lao động, cải thiện đời sống nhân dân.

b. Phong trào đón rước Gô Đa và toàn quyền Đông Dương

Đầu năm 1937 nhân dịp đón phái viên chính phủ Pháp là Gô Đa và toàn quyền Đông Dương Brivie, dưới sự lãnh đạo của Đảng quần chúng nhân dân nhất là công nhân và nông dân đã tổ chức biểu dương lực lượng thông qua các cuộc mít tinh, biểu tình đưa dân nguyện đòi cải thiện cuộc sống và đòi các quyền tự do dân chủ.

c. Cuộc mít tinh ngày 1/5/1938

Nhân ngày quốc tế lao động 1/5/1938 tại quảng trường nhà đấu xảo Hà Nội đã diễn ra một cuộc mít tinh khổng lồ với hai vạn rưỡi người tham gia hô vang các khẩu hiệu đòi tự do lập hội ái hữu, nghiệp đoàn, thi hành luật lao động, đòi giảm thuế, chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, ủng hộ hòa bình

d. Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí . Nhằm giới thiệu chủ nghĩa Mác-Lê Nin và tuyên truyền chính sách của Đảng nhiều tờ báo công khai của Đảng, của Mặt trận , và của các đoàn thể ra đời như Tiền phong, Dân chúng, Lao động.....

e. Đấu tranh trên lĩnh vực nghị trường . Đảng lợi dụng khả năng hợp pháp để đưa người của Đảng vào Hội đồng quản hạt Nam Kỳ, viện dân biểu Bắc Kỳ để đấu tranh

Cuối năm 1938 chính phủ mặt trận nhân dân Pháp ngày càng thiên hữu, bọn phản động Pháp ở Đông Dương ngóc đầu dậy phản công và đàn áp phong trào cách mạng nước ta làm cho phong trào cách mạng thu hẹp dần đến khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ thì chấm dứt.

4. Ý nghĩa và tác dụng của phong trào 1936-1939.

-Cuộc vận động dân chủ 1936-1939 là một phong trào dân tộc dân chủ rộng lớn. Qua đó Đảng ta đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền giáo dục rêu rộng tư tưởng Mác-

Lê Nin, đường lối chính sách của Đảng, tập hợp đông đảo quần chúng trong mặt trận dân tộc thống nhất xây dựng được đội quân chính trị đông đảo.

-Qua phong trào uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng và ăn sâu trong quần chúng, trình độ chính trị và khả năng công tác của cán bộ được nâng lên, tổ chức Đảng được củng cố và phát triển.

-Phong trào đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm như bài học về sử dụng các hình thức và khẩu hiệu đấu tranh, vận động tổ chức quần chúng đấu tranh, xây dựng Mặt trận nhân dân thống nhất.

Với những ý nghĩa đó phong trào dân chủ 1936-1939 được xem là cuộc diễn tập lần thứ hai của nhân dân Việt Nam chuẩn bị cho sự thắng lợi của Cách mạng tháng Tám.

5. So với thời kỳ 1930-1931 những chủ trương sách lược cách mạng của Đảng trong thời kỳ 1936-1939 có gì khác ? Vì sao?

a. Nhận định kẻ thù:

-1930-1931. Đế quốc và phong kiến

-1936-1939. Bọn phản động thuộc địa Pháp và tay sai của chúng

b. Nhiệm vụ

-1930-1931: Chống đế quốc giành độc lập dân tộc, chống phong kiến giành ruộng đất cho dân cày.

-1936-1939: Chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, bọn phản động thuộc địa đòi những quyền tự do dân chủ, cơm áo và hòa bình

c. Hình thức tập hợp lực lượng (Mặt trận)

-1930-1931: Bước đầu thực hiện liên minh công nông (bước đầu ở Nghệ An và Hà Tĩnh)

-1936-1939: Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương sau đổi thành mặt trận dân chủ Đông Dương.

d. Hình thức và phương pháp đấu tranh

-1930-1931: Đấu tranh chính trị, từ bãi công chuyển sang biểu tình quần chúng hoặc biểu tình có vũ trang, hoạt động bí mật.

-1936-1939: Sử dụng các hình thức đấu tranh hòa bình công khai hợp pháp.....

e. Lực lượng đấu tranh

-1930-1931: Lực lượng chủ yếu là công nông

-1936-1939: Lực lượng đấu tranh đông đảo không phân biệt thành phần giai cấp

Như vậy so với thời kỳ 1930-1931 chủ trương, sách lược, và hình thức đấu tranh trong thời kỳ này đều có nét khác. Sở dĩ có sự khác nhau như vậy là do hoàn cảnh lịch sử thay đổi so với trước. Đặc biệt, Mặt trận nhân Pháp đã ban hành các chính sách về tự do dân chủ và ân xá tù chính trị cho các nước thuộc địa. Lợi dụng cơ hội này Đảng ta chủ trương đấu tranh đòi các quyền dân sinh dân chủ.

Câu 8. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ VI (11/1939)

1. Hoàn cảnh triệu tập Hội nghị.

a. Thế giới: Tháng 9/1939 chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

*Ở Châu Âu: Tháng 6/1940 Phát xít Đức tấn công Pháp, bọn phản động Pháp nhanh chóng đầu hàng và làm tay sai cho Đức.

*Ở Viễn Đông: Nhật mở rộng xâm lược Trung Quốc và tiến sát biên giới Việt Trung, lấn le nhảy vào Đông Dương.

b. Trong nước.

-Tháng 9/1940, Nhật nhảy vào Đông Dương, bọn thực dân pháp đang đứng trước hai nguy cơ

+Một là, phong trào cách mạng của nhân dân Đông Dương đang dâng cao có thể thiêu sống chúng.

+Hai là, sự lấn le đe dọa của phát xít Nhật, chúng sẽ hất cẳng Pháp. Để đối phó lại bọn thực dân Pháp thực hiện chính sách hai mặt: Một mặt chúng thẳng tay đàn áp các phong trào cách mạng của nhân dân ta, mặt khác chúng thỏa hiệp bắt tay câu kết với phát xít Nhật để cùng bóc lột nhân dân Đông Dương. Còn bọn phát xít Nhật một mặt ép thực dân Pháp đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác, mặt khác lại lôi kéo một số phần tử trong địa chủ và tư sản bất mãn với Pháp lập chính quyền tay sai để phục vụ cho mưu đồ xâm lược của chúng.

-Đảng ta đã trưởng thành, khi thực dân Pháp điên cuồng khủng bố, Đảng ta đã kịp thời chỉ đạo cho các lực lượng cách mạng kịp thời rút vào hoạt động bí mật (1938), chuyển trọng tâm công tác về nông thôn.

☞ Trước những chuyển biến của tình hình thế giới và trong nước khi chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương đã triệu tập Hội nghị lần thứ VI (11/1939) để chuyển hướng chỉ đạo chiến lược.

2. Nội dung Hội nghị.

-*Nhận định kẻ thù:* Kẻ thù chủ yếu trước mắt là bọn đế quốc phát xít Pháp Nhật.

-*Xác định nhiệm vụ:* Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách của cách mạng Đông Dương lúc này.

-*Khẩu hiệu đấu tranh:* Tạm gát khẩu hiệu “Cách mạng ruộng đất”, thay bằng khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc, Việt gian chia cho dân cày.

-*Mặt trận:* Chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương nhằm tập hợp rộng rãi mọi tầng lớp giai cấp, các dân tộc Đông Dương chỉ mũi nhọn của cách mạng vào kẻ thù chủ yếu trước mắt là chủ nghĩa đế quốc phát xít.

-*Hình thức và phương pháp đấu tranh:* Dùng bạo lực cách mạng tức là đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, khởi nghĩa vũ trang.

3. Ý nghĩa lịch sử của Hội nghị TW Đảng lần VI

-Hội nghị TW Đảng lần VI (11/1939) đã đánh dấu sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng. Đây là sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược đúng đắn. Đảng ta đã gương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, đoàn kết được rộng rãi mọi tầng lớp giai cấp,

dân tộc Đông Dương trong một mặt trận dân tộc thống nhất để đấu tranh chống kẻ thù chung.

-Sự chuyển hướng này đã mở ra một thời kỳ đấu tranh mới, thời kỳ trực tiếp mở đường tiến tới thắng lợi của cách mạng tháng Tám sau này.

Câu 9. Hoàn cảnh lịch sử, nội dung, ý nghĩa và tầm quan trọng của Hội nghị TW Đảng lần thứ VIII

1. Hoàn cảnh lịch sử Nguyễn Ái Quốc về nước triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng lần VIII

a. Thế giới:

-Sau khi chiếm phần lớn các nước Châu Âu, Đức chuẩn bị tấn công Liên Xô.

-Nhật mở rộng xâm lược Trung Quốc và tiến sát biên giới Việt Trung

☞ Tình hình thế giới có nhiều chuyển biến mới. Thế giới hình thành hai trận tuyến: Một bên là các lực lượng dân chủ do Liên Xô đứng đầu; một bên là khối phát xít do Đức đứng đầu làm cho tính chất của cuộc chiến tranh thay đổi.

b. Trong nước:

-Nhân dân ta đều rên xiết dưới hai tầng áp bức bóc lột Pháp- Nhật. Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc ta với đế quốc phát xít Pháp Nhật vô cùng sâu sắc.

-Nhân dân ta ngày càng được cách mạng hóa với nhiều cuộc đấu tranh như khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kỳ...

☞ Trước tình hình thế giới và trong nước ngày càng khẩn trương, ngày 28/1/1941 Nguyễn Ái Quốc về nước triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng lần VIII họp từ ngày 10 đến 19/5/1941 tại Pắc Bó (Cao Bằng)

2. Nội dung của Hội nghị Trung ương Đảng lần VIII

a. Nhận định của Hội nghị: Hội nghị nhận định mâu thuẫn giữa các dân tộc ta với đế quốc phát xít là mâu thuẫn chủ yếu nhất, vận mệnh dân tộc nguy vong không lúc nào bằng. Vì vậy, lúc này nhiệm vụ giải phóng dân tộc là nhiệm vụ bức thiết nhất.

b. Chủ trương.

-*Xác định kẻ thù:* Kẻ thù của nhân dân Đông Dương lúc này là phát xít Nhật

-*Nhiệm vụ:* Nhiệm vụ bức thiết nhất là giải phóng cho được các dân tộc Đông Dương khỏi ách Pháp - Nhật. (Đây là chủ trương quan trọng nhất vì Nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu mà quyền lợi của một bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được) .

-*Khẩu hiệu đấu tranh:* Tiếp tục tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, chỉ đề ra tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc, Việt gian chia cho dân cày.

-*Hình thức tập hợp lực lượng:* Đề phát huy sức mạnh dân tộc ở mỗi nước Đông Dương, cần phải đặt vấn đề dân tộc trong phạm vi mỗi nước. Vì vậy Hội nghị chủ trương ở mỗi nước cần thành lập một mặt trận dân tộc thống nhất riêng. Ở Việt Nam

thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh), bao gồm các tổ chức quần chúng lấy tên là Hội cứu quốc....

-Hình thức đấu tranh: Đề ra chủ trương khởi nghĩa vũ trang coi đó là nhiệm vụ của toàn Đảng toàn quân và toàn dân ta. Chuẩn bị mọi điều kiện để tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Hội nghị còn vạch rõ: Khởi nghĩa vũ trang muốn thắng lợi thì phải được chuẩn bị chu đáo và nổ ra đúng thời cơ, phải đi từ khởi nghĩa từng phần tiến tới tổng khởi nghĩa.

3. Ý nghĩa và tầm quan trọng của Hội nghị TW Đảng lần thứ VIII

a. Ý nghĩa: Hội nghị TW Đảng lần VIII có ý nghĩa lịch sử to lớn-đã hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng của Đảng đã đề ra từ Hội nghị lần VI.

-Kiên quyết gương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp thiết hơn bao giờ hết.

-Giải quyết đúng đắn giữa hai nhiệm vụ chiến lược chống đế quốc và phong kiến.

-Đề ra phương pháp cách mạng cụ thể

b. Tầm quan trọng của Hội nghị :Hội nghị TW Đảng lần thứ VIII có tác dụng quyết định đối với thắng lợi của cách mạng tháng tám.

Câu 10. Sự thành lập và đóng góp của mặt trận Việt Minh đối với cách mạng tháng tám 1945.

1. Sự thành lập. Thực hiện Nghị quyết của Hội nghị Trung ương Đảng lần VIII (5/1941), do Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì. Mặt trận Việt Minh đã được thành lập (19/5/1941) tại Pác Bó – Cao Bằng. Mặt trận Việt Minh ra đời nhằm tập hợp mọi lực lượng yêu nước của dân tộc để xây dựng khối đoàn kết toàn dân, làm nhiệm vụ giải phóng dân tộc.

2. Những nét chính về hoạt động mặt trận Việt Minh từ 5/1941 đến 3/1945.

Hoạt động chính của Mặt trận Việt Minh là xây dựng lực lượng chính trị, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa cách mạng, chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang tiến tới cách mạng tháng tám.

a. Xây dựng lực lượng chính trị: Là xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

-Mặt trận Việt Minh chủ trương thành lập các Hội cứu quốc như công nhân cứu quốc, nông dân cứu quốc, thanh niên cứu quốc, phụ nữ cứu quốc, phụ lão cứu quốc, nhi đồng cứu quốc....

-Cao Bằng là nơi thí điểm xây dựng các Hội cứu quốc. Đến năm 1942 khắp 9 châu của tỉnh Cao Bằng đều có Hội cứu quốc.

b. Xây dựng lực lượng vũ trang.

-Bộ phận nòng cốt ban đầu là đội du kích Bắc Sơn, đến năm 1941 thống nhất các đội du kích ở Bắc Sơn và Vũ Nhai thành cứu quốc quân.

-Ngày 22/12/1944 theo chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Cao Bằng, Võ Nguyên Giáp thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân gồm 34 người do Võ Nguyên Giáp làm đội trưởng.

-Ngày 15/5/1941 tại Hội nghị quân sự Bắc Kỳ đã thống nhất Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và đội Cứu quốc quân thành Việt Nam giải phóng quân.

c. Xây dựng căn cứ địa cách mạng.

-Sau khởi nghĩa Bắc Sơn thành lập căn cứ Bắc Sơn-Vũ Nhai.

-Khi Bác mới về nước thành lập căn cứ Pắc Pó-Cao Bằng.

-6/1945 Khu giải phóng Việt Bắc được thành lập gồm 6 tỉnh.....

d. Chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang tiến tới Cách mạng tháng Tám.

-Ngày 7/5/1944, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị “Sửa soạn khởi nghĩa” và kêu gọi nhân dân “sắm vũ khí đuổi thù chung”. Không khí chuẩn bị khởi nghĩa sôi sục.

-Ngày 22/12/1944 Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập. Hai ngày sau đội đã hạ đồn Phay Khắt và Nà Ngần (Cao Bằng)

-Ngày 9/3/1945 Nhật đảo chính Pháp, tiếp theo chỉ thị “Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” của Đảng Mặt trận Việt Minh ra lệnh kêu gọi đồng bào toàn quốc đẩy mạnh cao trào kháng Nhật cứu nước.

Như vậy đến đầu năm 1945 mọi sự chuẩn bị cho cách mạng tháng tám của Mặt trận Việt Minh cơ bản đã hoàn thành, một bầu không khí tiền khởi nghĩa sôi sục khắp cả nước báo trước giờ hành động sắp tới.

3. Đóng góp của Mặt trận Việt Minh đối với cách mạng tháng Tám năm 1945

Mặt trận Việt Minh là Mặt trận đoàn kết dân tộc, do Đảng ta lãnh đạo tồn tại trong vòng 10 năm (1941-1951, năm 1951 Mặt trận Việt Minh đã thống nhất với Mặt trận Liên Việt thành lập Mặt trận Liên Việt) đã có nhiều đóng góp cho cách mạng Việt Nam qua các thời kì lịch sử đặc biệt là đối với Cách mạng tháng Tám.

-Mặt trận Việt Minh đã tập hợp mọi lực lượng yêu nước, xây dựng khối đoàn kết toàn dân. Xây dựng lực lượng chính trị to lớn cho cách mạng thắng lợi.

-Mặt trận Việt Minh đã có đóng góp lớn trong việc xây dựng phát triển lực lượng vũ trang cách mạng, trong việc chỉ đạo phong trào kháng Nhật cứu nước, tạo tiền đề cho tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

-Triệu tập và tiến hành thành công quốc dân Đại hội Tân Trào 8/1945, huy động nhân dân tham gia tổng khởi nghĩa tháng Tám, dưới sự lãnh đạo của Đảng giành thắng lợi.

-Sau khi cách mạng tháng Tám thành công, Mặt trận Việt Minh tiếp tục củng cố khối đoàn kết toàn dân, lãnh đạo nhân dân xây dựng và bảo vệ chính quyền mới, chuẩn bị cho kháng chiến.

Câu 11. Nội dung bản chỉ thị “Nhật pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Diễn biến và ý nghĩa của cao trào kháng Nhật cứu nước.

1. Nội dung bản chỉ thị “Nhật pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.

Ngày trong đêm 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp trên toàn cõi Đông Dương, thì Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp để nhận định, đánh giá tình hình về cuộc đảo

chính Nhật - Pháp, đến ngày 12/3/1945 ra bản chỉ thị “*Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*”.

***Nội dung:**

-*Vạch rõ nguyên nhân và hậu quả của cuộc đảo chính.*

+Nguyên nhân: Vì mâu thuẫn giữa Nhật Pháp ngày càng gay gắt không thể đều hòa được (vì hai tên đế quốc không thể cùng ăn chung một miếng mồi béo bở)

+Hậu quả: Gây ra một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc, làm tình thế cách mạng xuất hiện.

-*Xác định kẻ thù:* Kẻ thù chính duy nhất của nhân dân ta lúc này là phát xít Nhật và bọn tay sai của chúng.

-*Khẩu hiệu đấu tranh:* Thay khẩu hiệu đánh đuổi đế quốc phát xít Pháp Nhật bằng khẩu hiệu đánh đuổi Phát xít Nhật.

-*Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước*, làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa Tháng Tám.

Ngoài ra, Chỉ thị này cũng vạch rõ: Do tương quan lực lượng giữa ta và địch ở mỗi địa phương không giống nhau, cách mạng có thể chín muồi ở các địa phương cũng không đều nhau nên nơi nào thấy so sánh lực lượng giữa ta và địch có lợi cho cách mạng thì lãnh đạo quần chúng đứng lên tiến hành những cuộc khởi nghĩa từng phần, giành thắng lợi từng bộ phận rồi tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc.

***Ý nghĩa.**Chỉ thị, “*Nhật pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*”, có giá trị và ý nghĩa như một chương trình hành động, một lời hiệu triệu, một lời dẫn dắt dân ta tiến hành một cao trào kháng Nhật cứu nước, tạo cơ sở cho sự sáng tạo của các địa phương trên cơ sở đường lối chung của Đảng.

2. Diễn biến và ý nghĩa của cao trào kháng Nhật cứu nước.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Hội nghị Ban thường vụ Trung ương Đảng (9/3/1945) và bản chỉ thị “*Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*” (12/3/1945).Cả nước dấy lên một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa tháng Tám.

**Tại Quảng Ngãi.* Ngày 11/3/1945, tù chính trị ở nhà lao Ba Tơ đã nổi dậy giết giặc cướp đôn, thành lập chính quyền cách mạng, thành lập đội du kích Ba Tơ và căn cứ địa cách mạng Ba Tơ.

**Tại căn cứ địa Việt Bắc:* Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Cứu Quốc quân đã giải phóng nhiều vùng rộng lớn thuộc các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên (khu giải phóng Việt Bắc được thành lập).

**Tại các đô thị lớn Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Vinh, Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn..*liên tiếp nổ ra những cuộc biểu tình chống Nhật, lôi cuốn hàng triệu người tham gia.

**Tại các vùng nông thôn:* Phong trào kháng Nhật cứu nước cũng dâng lên mạnh mẽ, tiêu biểu nhất là phong trào “*Phá kho thóc của Nhật giải quyết nạn đói*”, phong trào được quần chúng hưởng ứng rất đông đảo.

Như vậy, tới những ngày đầu tháng 8/1945 cao trào kháng Nhật diễn ra ngày càng sôi sục. Không khí chuẩn bị khởi nghĩa đã trở nên hết sức khẩn trương, quần chúng đã sẵn sàng, chỉ chờ chờ cơ hội là đứng lên tổng khởi nghĩa.

3. Ý nghĩa lịch sử của cao trào kháng Nhật cứu nước.

-Cao trào kháng Nhật cứu nước là bước phát triển vượt bậc của cách mạng nước ta làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa tháng tám thắng lợi.

-Cao trào đã lôi cuốn hàng triệu quần chúng tham gia, rèn luyện cho quần chúng nhiều hình thức đấu tranh phong phú, quyết liệt.

-Qua cao trào, lực lượng cách mạng (bao gồm cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang ở cả nông thôn và thành thị) đã phát triển vượt bậc, trong khi lực lượng kẻ thù bị suy yếu nhanh chóng đưa tới thời cơ tổng khởi nghĩa tháng Tám chín muồi.

Với những ý nghĩa đó, cao trào kháng Nhật cứu nước là cuộc tập dượt vĩ đại để đưa quần chúng tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền..

Câu 12. Cách mạng tháng tám 1945: Thời cơ, diễn biến, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của cách mạng tháng tám 1945

1. Hoàn cảnh lịch sử. Cách mạng tháng Tám nổ ra trong thời cơ chín muồi.

a. Thế giới (Khách quan) Thời cơ thuận lợi đã đến

-Ở Châu Âu: Tháng 5/1945 phát xít Đức đầu hàng quân đồng minh không điều kiện.

-Ở Châu Á –Thái Bình Dương: 8/1945 Nhật cũng đầu hàng vô điều kiện.

-Các nước đồng minh chưa kịp vào Đông Dương để giải giáp quân đội Nhật.

b. Trong nước (Chủ quan)

-Quân Nhật và bè lũ tay sai của chúng hoang mang đến cực độ, lính Nhật mất hết tinh thần chiến đấu.

-Lực lượng cách mạng của ta lớn mạnh, nhân dân đã sẵn sàng, Đảng ta có sự chuẩn bị chu đáo trong suốt 15 năm.

Như vậy cách mạng tháng Tám nổ ra trong điều kiện khách quan và chủ quan hoàn toàn chín muồi. Đó là thời cơ ngàn năm có một (vì nó rất hiếm và rất quý nếu bỏ qua thì thời cơ không bao giờ trở lại nữa). Nhân thức rõ thời cơ có một không hai này, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “*Đây là thời cơ ngàn năm có một cho dân tộc ta vùng dậy. Lần này dù có phải thiêu cháy dãy Trường Sơn cũng quyết giành độc lập cho đất nước*”

2. Những nét chính về diễn biến.

-Ngày 13/8/1945 khi Nhật đầu hàng đồng minh Đảng đã triệu tập Hội toàn quốc ở Tân Trào (Tuyên Quang). Hội nghị quyết định.

+Phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước trước khi quân đồng minh vào.

+Thành lập ủy ban khởi nghĩa ra quân lệnh số 1 hạ lệnh khởi nghĩa.

-Ngày 16/8/1945 Mặt trận Việt Minh triệu tập Đại hội Quốc dân ở Tân Trào. Đại hội quyết định.

+Tán thành lệnh tổng khởi nghĩa của Đảng.

+Thành lập ủy ban dân tộc giải phóng do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu.

+Qui định Quốc Kỳ, Quốc ca. Đặt tên nước là Việt Nam dân chủ cộng hòa.

-Chiều ngày 16/8/1945 một đơn vị quân giải phóng do Võ Nguyên Giáp chỉ huy từ Tân Trào tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên mở đầu cho cách mạng tháng tám.

-Từ 14 đến 18/8/1945 có 4 tỉnh giành được chính quyền: Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh và Quảng Nam.

-Giành chính quyền ở Hà Nội: Từ ngày 15 đến 18/8 phong trào chuẩn bị khởi nghĩa của quần chúng ngày càng sôi sục. Ngày 19/8/1945 Hà Nội giành được chính quyền.

-Ngày 23/8 ta giành chính quyền ở Huế.

-Ngày 25/8 ta giành chính quyền ở Sài Gòn.

-Ngày 28/8 hầu hết các địa phương trong cả nước giành được chính quyền.

-Ngày 30/8 vua Bảo Đại thoái vị.

-Ngày 2/9/1945 tại quảng trường Ba Đình chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt chính phủ lâm thời đọc Tuyên ngôn độc lập khai sinh nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa.

Như vậy chỉ trong vòng 15 ngày (từ 14/8 đến 28/8/1945) tổng khởi nghĩa tháng Tám đã thành công trong cả nước. Lần đầu tiên trong cả nước chính quyền về tay nhân dân.

3. Ý nghĩa lịch sử của cách mạng tháng tám.

a. Đối với dân tộc: Cách mạng tháng Tám thành công là một biến cố lịch sử vĩ đại mở ra một bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc, vì:

-Phá tan hai xiềng xích nô lệ của Pháp- Nhật, lật nhào chế độ quân chủ khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

-Đưa nước ta từ một nước thuộc địa trở thành một nước độc lập, nhân dân ta từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ nước nhà.

-Mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc: Kỷ nguyên độc lập tự do gắn liền với chủ nghĩa xã hội, giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp.

b. Đối với thế giới:

-Góp phần đánh bại chủ nghĩa phát xít

-Cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa trên thế giới nhất là Châu Á và châu Phi.

4. Bài học kinh nghiệm của cách mạng tháng Tám

-Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phải biết giải quyết đúng đắn hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

-Biết tập hợp và tổ chức lực lượng cách mạng với nòng cốt là liên minh công nông.

-Triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù chia mũi nhọn vào kẻ thù chính trước mắt.

-Nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, đi từ khởi nghĩa từng phần đến tổng khởi nghĩa.

-Phải tích cực chuẩn bị và chớp đúng thời cơ.

5.Nguyên nhân thành công của cách mạng tháng tám? Nguyên nhân nào có tính chất quyết định? Vì sao?

*.*Nguyên nhân khách quan.* Hoàn cảnh quốc tế vô cùng thuận lợi đó là Hồng quân Liên Xô và phe Đồng minh đã đánh bại phát xít Nhật, kẻ thù của ta đã gục ngã. Đó là cơ hội để nhân dân ta vùng lên giành chính quyền.

*.*Nguyên nhân chủ quan:*

-Dân tộc ta giàu truyền thống yêu nước và đấu tranh chống giặc ngoại xâm.

-Sự lãnh đạo sáng suốt tài tình của Đảng đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối đúng đắn sáng tạo.

-Đã xây dựng được khối liên minh công nông vững chắc, tập hợp được các lực lượng yêu nước trong mặt trận thống nhất.

-Đảng ta đã có quá trình chuẩn bị chu đáo cho thắng lợi của cách mạng tháng tám trong suốt 15 năm với ba cuộc diễn tập 1930-1931;1936-1939;1939-1945

**Nguyên nhân quan trọng và mang tính quyết định nhất là nguyên nhân chủ quan bởi vì: Nếu quần chúng nhân dân không sẵn sàng đứng lên, nếu Đảng không sáng suốt tài tình nhận định đúng thời cơ thì thời cơ sẽ qua đi. Vì thế nguyên nhân chủ quan mang tính chất quyết định còn nguyên nhân khách quan chỉ là sự hỗ trợ là thời cơ để Đảng sáng suốt phát động quần chúng nhân dân đứng lên giành chính quyền trong thời gian ngắn.

Câu 13.Nét chính về tình hình nước ta năm đầu tiên sau cách mạng tháng tám.

1.Thuận lợi:

-Sau chiến tranh thế giới thứ hai so sánh lực lượng cách mạng và phản cách mạng thay đổi có lợi cho ta.

+Phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới phát triển mạnh mẽ.

+Hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa hình thành.Chủ nghĩa xã hội từ một nước là Liên Xô đang trong quá trình hình thành hệ thống thế giới.

+Hệ thống các nước tư bản chủ nghĩa (trừ Mỹ) đa suy yếu nhiều

-Có sự lãnh đạo sáng suốt tài tình của đảng, đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh
-Ta đã giành được chính quyền, nhân dân ta làm chủ và quyết tâm bảo vệ thành quả của cách mạng tháng tám..

2.Những khó khăn: Vừa mới ra đời nước ta đứng trước muôn vàn những khó khăn tưởng chừng như không thể vượt qua, đó là:

a.Giặc ngoại xâm và nội phản:

**Giặc ngoại xâm:*Sau cách mạng tháng tám thì quân đội các nước quân đồng minh lần lượt kéo vào nước ta với âm mưu là bao vây và can thiệp cách mạng nước ta:

-Từ vĩ tuyến 16 trở ra 20 vạn quân Tưởng kéo vào với âm mưu thủ tiêu chính quyền cách mạng.

-Từ vĩ tuyến 16 trở vào có hơn một vạn quân Anh chúng đã dung túng và giúp đỡ cho Pháp quay trở lại xâm lược Nam Bộ.

-Lúc này trên nước ta còn hơn 6 vạn quân Nhật đang chờ giải giáp trong đó có một bộ phận giúp Pháp mở rộng phạm vi chiếm đóng ở Nam Bộ.

-Thực dân Pháp muốn khôi phục lại nền thống trị cũ, đã xâm lược nước ta ở Nam Bộ.

**Nội phản:*Các lực lượng phản cách mạng ở cả hai miền đều ngóc đầu dậy hoạt động chống phá cách mạng như cướp bóc, giết người, tuyên truyền kích động, làm tay sai cho Pháp...

b.Khó khăn về kinh tế, tài chính:

-Kinh tế nghèo nàn lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá nặng nề, thiên tai, lũ lụt nạn đói đang đe dọa nghiêm trọng.

-Ngân sách nhà nước trống rỗng, lạm phát gia tăng, giá cả đắt đỏ

c.Khó khăn về chính trị, xã hội.

-Chính quyền còn non trẻ , lực lượng mỏng, thiếu kinh nghiệm quản lí

-Hơn 90% dân số mù chữ, các tệ nạn xã hội như rượu chè, cờ bạc, nghiện hút kha phổ biến.

☞ Do những khó khăn trên làm cho cách mạng nước ta đang đứng trước những thử thách hết sức hiểm nghèo, trực tiếp đe dọa sự tồn vong của chính quyền cách mạng. vận mệnh Tổ Quốc như “*Nghìn cân treo sợi tóc*”

Câu 14.Những chủ trương và biện pháp của Đảng nhằm giải quyết những khó khăn để bảo vệ thành quả cách mạng tháng Tám.

1.Xây dựng chính quyền. Nhiệm vụ trung tâm là phải xây dựng và củng cố chính quyền dân chủ nhân dân.

-Ngày 6/1/1946 tổ chức tổng tuyển cử bầu Quốc hội. Hơn 90% cử tri đi bầu và bầu được 333 đại biểu vào Quốc hội.

-Ngày 2/3/1946 Quốc hội họp phiên họp đầu tiên, bầu ban dự thảo Hiến pháp và bầu chính phủ chính thức do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu

-Sau bầu cử Quốc hội là bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp để củng cố chính quyền ở địa phương.

**Ý nghĩa của cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp*

-Phá tan âm mưu chia rẽ và lật đổ của kẻ thù.

-Củng cố khối đoàn kết toàn dân, khơi dậy tinh thần yêu nước, ý thức làm chủ tinh thần trách nhiệm của mỗi công dân đối với đất nước.

2.Giải quyết khó khăn về nạn đói, nạn dốt, về tài chính

a.Nạn đói:

-Trước mắt thực hiện nhường cơm xẻ áo, thực hiện hũ gạo tiết kiệm, ngày đồng tâm

-Về lâu dài phải đẩy mạnh tăng gia sản xuất

☞Chỉ trong thời gian ngắn nạn đói được đẩy lùi

b.Nạn dốt:

-Mở các lớp học bình dân , kêu gọi nhân dân tham gia xóa nạn mù chữ.

-Ngày 8/9/1945 chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh thành lập cơ quan bình dân học vụ

☞Đến tháng 3 / 1946, riêng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ có 3 vạn lớp học và 81 vạn học viên.

c.Giải quyết khó khăn về tài chính.

-Kêu gọi tinh thần tự nguyện đóng góp của nhân dân, thông qua quỹ độc lập và tuần lễ vàng. Thu được 370 Kg vàng và 20 triệu đồng

-Phát hành tiền Việt Nam, ngày 23/11/1946 chính thức lưu hành tiền Việt Nam trên cả nước

3.Chống giặc ngoại xâm và nội phản

3.1.Chống giặc ngoại xâm. Diễn ra qua hai thời kì.Trước và sau 6/3/1946

a.Trước 6/3/1946:

**Chủ trương:*Hòa với quân Tưởng ở miền Bắc để tập trung lực lượng chống Pháp ở miền Nam

**Biện pháp:*

-Đối với quân Tưởng ở Miền Bắc:Hòa hoãn tránh xung đột, giao thiệp thân thiện, nhân nhượng cho chúng một số quyền lợi về kinh tế và chính trị như nhận cung cấp lương thực thực phẩm, nhận tiêu tiền mất giá của chúng, nhường cho tay sai của Tưởng 70 ghế trong Quốc hội và 4 ghế trong chính phủ không qua bầu cử.

*Tác dụng:*Làm thất bại âm mưu của Tưởng, đồng thời vô hiệu hóa các hoạt động chống phá của bọn tay sai của Tưởng, ta có điều kiện tập trung lực lượng chống Pháp ở miền Nam

-Đối với quân Pháp ở Miền Nam: Kiên quyết chống bọn thực dân Pháp quay trở lại xâm lược.Nhân dân Nam Bộ đã anh dũng chống Pháp bằng mọi thứ vũ khí có sẵn và bằng mọi hình thức.Đồng bào cả nước hướng về Miền Nam ruột thịt.

b.Sau ngày 6/3/1946

**Chủ trương*: Hòa với Pháp để đuổi nhanh quân Tưởng, tranh thủ thời gian để chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

**Biện pháp*: Ký Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946 và tạm ước 14/9/1946

Hiệp định sơ bộ (6/3/1946)

**Hoàn cảnh lịch sử*:

-*Đối với Pháp*: Sau khi chiếm đóng một số nơi ở Nam Bộ thì thực dân Pháp chuẩn bị đưa quân ra Bắc để thôn tính toàn bộ nước ta. Song chúng khó thực hiện được vì gặp nhiều khó khăn giữa bình định và lấn chiếm:

+Chưa bình định xong Nam Bộ.

+Nếu lấn chiếm ra Miền Bắc thì gặp phải hai khó khăn: Một là gặp phải lực lượng kháng chiến của ta; hai là phải đụng độ với 20 vạn quân Tưởng, nên Pháp muốn thương lượng để thay quân Tưởng ở Miền Bắc.

-*Đối với quân Tưởng*: Cần về nước để đối phó với cách mạng Trung Quốc

☞ Tình hình trên Pháp -Tưởng đã bắt tay câu kết với nhau chúng đã ký hiệp ước Hoa-Pháp 28/2/1946. Đây là một âm mưu thâm độc của kẻ thù đặt cách mạng nước ta trước hai con đường phải chọn một:

+Một là cầm vũ khí đứng lên chống Pháp khi chúng vừa đến Miền Bắc.

+Hoặc là chủ động đàm phán với Pháp để gạt nhanh 20 vạn quân Tưởng về nước và tranh thủ thời gian để chuẩn bị lực lượng chống Pháp sau này.

Sau khi nhận định đánh giá tình hình ta chọn giả pháp hòa với Pháp bằng việc ký Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946

**Nội dung*:

-Chính phủ Pháp công nhận nước ta là một quốc gia tự do nằm trong khối liên hiệp Pháp

-Ta đồng ý cho 15000 quân Pháp ra Miền Bắc thay cho quân Tưởng và rút dần trong thời hạn 5 năm.

-Hai bên ngừng bắn ở Nam Bộ để đàm phán ở Pari.

☞ Việc ký Hiệp định Sơ bộ ta đã loại được một kẻ thù nguy hiểm tránh được một cuộc chiến đấu bất lợi cho ta, ta có thêm thời gian hòa bình để chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài.

Tạm ước 14/9/1946. Sau Hiệp định sơ bộ, ta thể hiện thiện chí hòa bình còn Pháp vẫn cố tình trì hoãn việc thi hành và vẫn tăng cường những hành động khiêu khích làm cho cuộc đàm phán ở Phòng tenơblô không thành, quan hệ Việt Pháp trở nên căng thẳng có nguy cơ xảy ra chiến tranh.

Trước tình hình đó, để kéo dài thêm thời gian hòa hoãn chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài. Chủ tịch Hồ Chí Minh ký tiếp với Pháp bản Tạm ước 14/9 tiếp tục nhân nhượng cho chúng một số quyền lợi. (*Đây là giới hạn cuối cùng của sự nhân nhượng*)

**Tác dụng của việc ký Hiệp định sơ bộ 6/3 và tạm ước 14/9*

-Đập tan ý đồ của Pháp trong việc câu kết với Tưởng để chống lại ta.

-Đẩy nhanh được 20 vạn quân Tưởng và tay sai về nước, thoát được thế bao vây của kẻ thù.

-Có thêm thời gian để củng cố lực lượng chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

3.2.Đối với nội phản: Kiên quyết vạch trần bộ mặt bán dân hại nước của chúng, trừng trị các tổ chức phản cách mạng và tay sai của Tưởng. Chính phủ ra sắc lệnh giải tán tổ chức Đại Việt quốc gia xã hội đảng và Đại Việt quốc dân đảng.....

3.3 Nhận xét và ý nghĩa của những giải pháp trên đối với cuộc kháng chiến chống Pháp.

-Là những chủ trương sáng suốt và tài tình, mềm dẻo về sách lược nhưng cứng rắn về nguyên tắc, biết lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ của kẻ thù không cho chúng có điều kiện tập trung lực lượng chống phá ta....

-Đưa nước ta vượt qua mọi khó khăn và thoát khỏi tình thế hiểm nghèo *Nghìn cân treo sợi tóc* sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu lâu dài với pháp.

Câu 15.Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược

1.Sự hình thành đường lối kháng chiến.

Ngay từ đầu cuộc kháng chiến, Đảng ta mà đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch ra đường lối kháng chiến để chỉ đạo mọi mặt kháng chiến của quân và dân ta. Đường lối đó được xuất phát từ những văn kiện chính sau đây:

-Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của chủ tịch Hồ Chí Minh (19/12/1946)

-Bản chỉ thị Toàn dân kháng chiến của Ban thường vụ trung ương Đảng (22/12/1946).

-Tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi của Trường Chinh 1947.

Từ những văn kiện ấy dần dần hình thành đường lối kháng chiến của ta. Đường lối đó là: ***Kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, và tự lực cánh sinh.*** Đường lối này đã thể hiện tính chất của cuộc kháng chiến của nhân ta là:

-Cuộc kháng của ta là một cuộc chiến tranh cách mạng chính nghĩa, chống lại một cuộc chèn ép phi nghĩa của thực dân Pháp.

-Cuộc kháng chiến của nhân dân ta nhằm mục đích: Giành độc lập và thống nhất Tổ Quốc, bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân.

-Trong cuộc kháng chiến này, dân tộc Việt Nam vừa đấu tranh để tự cứu mình, vừa đấu tranh cho hòa bình thế giới.Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam do đó còn là một cuộc chiến tranh tiến bộ vì tự do, độc lập, vì dân chủ hòa bình.

2.Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến.

**Kháng chiến toàn dân:* Là toàn dân kháng chiến, toàn dân đánh giặc không phân biệt già trẻ, trai gái, mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xã là một pháo đài. Sở dĩ như vậy là vì:Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, vì lợi ích toàn dân nên phải do toàn dân tiến hành

**Kháng chiến toàn diện:* Là kháng chiến trên tất cả các mặt: Quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, ngoại giao.... Vì thực tiễn giặc Pháp không những đánh ta về quân sự mà còn phá ta cả về kinh tế, chính trị, văn hóa... Cho nên ta không những kháng chiến chống Pháp trên mặt trận quân sự mà phải kháng chiến toàn diện trên tất cả các mặt. Đồng thời kháng chiến toàn diện còn để phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân.

**Kháng chiến trường kỳ* (nghĩa là đánh lâu dài): Đây là một chủ trương vô cùng sáng suốt của Đảng ta, vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lê Nin vào hoàn cảnh nước ta. Ta yếu địch mạnh nên phải đánh lâu dài để chuyển hóa lực lượng.

**Tự lực cánh sinh:* Chủ yếu là dựa vào sức mình là chính (sức mạnh của nhân dân) không trông chờ ỷ lại vào bên ngoài, đồng thời phải tranh thủ sự viện trợ của quốc tế. Muốn đánh lâu dài thì phải dựa vào sức mình là chính.

***Ý nghĩa và tác dụng của đường lối kháng chiến chống Pháp**

-Toàn bộ đường lối kháng chiến thấm nhuần tư tưởng chiến tranh nhân dân sâu sắc. Nó chứng tỏ cuộc kháng chiến của ta là chính nghĩa, nên được nhân dân ủng hộ.

-Đường lối kháng chiến có tác dụng động viên, dẫn dắt nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến dưới sự lãnh đạo của đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, dù phải trải qua nhiều hy sinh gian khổ nhưng nhất định sẽ giành thắng lợi.

Câu 16. Chiến dịch Việt Bắc Thu-Đông 1947

1. Hoàn cảnh lịch sử.

-Khi ta rút khỏi các đô thị thì thực dân Pháp đã mở rộng được địa bàn chiếm đóng (chiếm thêm một số thành phố và kiểm soát được một số đường giao thông quan trọng) nhưng chúng vẫn không thực hiện được âm mưu đánh nhanh thắng nhanh, mà chiến tranh vẫn kéo dài.

-Chiến tranh càng kéo dài thì Pháp càng gặp nhiều khó khăn về quân sự, kinh tế, tài chính, chính trị, xã hội....

☞ Tháng 3/1947 Pháp cử Bôlaec sang làm cao ủy Đông Dương thay cho Đắcgiănglơ. Thực dân Pháp chuẩn bị mở cuộc tấn công quy mô lớn lên Việt Bắc.

2. Âm mưu của địch.

-Phá tan cơ quan đầu não kháng chiến của ta

-Tiêu diệt phần lớn bộ đội chủ lực.

-Khóa chặt biên giới Việt Trung nhằm ngăn chặn sự liên lạc giữa ta với quốc tế.

-Dùng thắng lợi về quân sự để thúc đẩy sự thành lập chính quyền bù nhìn trên toàn quốc và nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

3. Chủ trương của ta. Ngày 15/10/1947 Ban thường vụ TW Đảng ra chỉ thị “Phải phá tan cuộc tấn công mùa Đông của giặc Pháp”.

4. Tóm tắt diễn biến.

a. Các cuộc tấn công của giặc Pháp lên Việt Bắc.

Ngày 7/10/1947 Pháp huy động 12000 quân tấn công lên Việt Bắc theo 3 hướng.

-*Cánh quân dù*: Sáng ngày 7/10/1947 Pháp cho bộ phận quân nhảy dù nhảy xuống Bắc Cạn, Chợ Mới, Chợ Đồn.

-*Cánh quân bộ*: Cùng ngày 7/10/1947 một binh đoàn bộ binh ở Lạng Sơn theo đường số 4 tiến lên Cao Bằng; một bộ phận khác theo đường số 3 vòng xuống Bắc Cạn tạo thành gọng kìm thứ nhất kẹp chặt Việt Bắc ở phía Đông và phía Bắc.

-*Cánh quân thủy*: Ngày 9/10/1947 binh đoàn hỗn hợp từ Hà Nội ngược sông Hồng, sông Lô tiến lên Tuyên Quang, Chiêm Hóa tạo thành gọng kìm thứ hai bao vây Việt Bắc từ phía Tây. Chúng dự định hai gọng kìm sẽ gặp nhau và khép chặt ở Đài Thị (Đông Bắc Chiêm Hóa)

b. Quân ta chiến đấu bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc.

-*Tại Bắc Cạn*. Quân địch vừa nhảy dù xuống đã bị ta bao vây tiêu diệt.

-*Ở mặt trận đường số 4 (cánh quân bộ)*. Quân ta đánh phục kích nhiều trận, đặc biệt là trận đèo Bông Lau (30/10/1947), phá hủy 27 xe bắt 240 tên.

-*Trên sông Lô Chiêm Hóa*. Ta phục kích tại Đoan Hùng, Khoan Bô, Khe Lau bắn chìm nhiều tàu chiến của địch.

Phối hợp với chiến trường Việt Bắc quân và dân cả nước phối hợp chiến đấu phá tan âm mưu của địch. Đến ngày 19/12/1947 quân Pháp rút khỏi Việt Bắc.

5. Kết quả và ý nghĩa lịch sử

a. Kết quả:

-Loại khỏi vòng chiến đấu 6000 tên địch, 16 máy bay, 11 tàu chiến và ca nô...

-Căn cứ địa Việt Bắc được giữ vững, cơ quan đầu não kháng chiến được bảo vệ an toàn, bộ đội ta trưởng thành.

b. Ý nghĩa lịch sử.

-Là cuộc phản công lớn đầu tiên của ta có ý nghĩa chiến lược quan trọng trong năm đầu toàn quốc kháng chiến.

-Làm thất bại hoàn toàn âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của chúng buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài.

-Chứng minh sự đúng đắn của đường lối kháng chiến lâu dài của Đảng và sự vững chắc của căn cứ địa Việt Bắc.

-Là mốc khởi đầu của sự thay đổi về tương lực lượng có lợi cho ta.

Câu 17. Chiến dịch Biên Giới Thu-đông 1950

1. Hoàn cảnh trước khi ta mở chiến dịch

a. Trong nước:

**Ta*. Sau chiến thắng Việt Bắc ta giành được nhiều thắng lợi.

-Chính quyền cách mạng ngày càng được củng cố từ TW đến địa phương.

-Chiến tranh du kích phát triển mạnh ở vùng sau lưng địch.

-Lực lượng cách mạng được phát triển, hậu phương được xây dựng vững chắc.

**Phía Pháp*: Ngày càng sa lầy và gặp nhiều khó khăn

b. Tình hình thế giới: Có nhiều chuyển biến có lợi cho ta song bất lợi cho Pháp.

-Ngày 1/10/1949 Cách mạng Trung Quốc thành công, nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời.....

-Từ tháng 1/1950, Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với ta.

-Cuộc kháng chiến của nhân dân Lào và Campuchia có bước phát triển mới.

-Phong trào phản đối chiến tranh Việt Nam của nhân dân Pháp và nhân thế giới dâng cao.

2. Âm mưu của Pháp: Đứng trước tình hình trên, nhờ sự giúp sức của Mỹ thực dân Pháp thông qua kế hoạch Rove nhằm:

-Khóa chặt biên giới Việt Trung bằng cách tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4.

-Thiết lập hành lang Đông Tây để cắt đứt sự liên lạc giữa Việt Bắc với Liên khu III và liên khu IV.

☞ Với hai hệ thống phòng ngự trên thực dân Pháp chuẩn bị mở cuộc tấn công qui mô lớn lên Việt Bắc lần hai.

3. Chủ trương và sự chuẩn bị của ta:

a. Chủ trương. Chủ động mở chiến dịch Biên Giới nhằm:

-Tiêu diệt sinh lực địch

-Khai thông biên giới Việt Trung

-Củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc

b. Sự chuẩn bị của ta. Thực hiện khẩu hiệu “*Tất cả cho chiến dịch toàn thắng*”

*Sức người: 121 7000 dân công với 1 716 000 ngày công

*Sức của: 4000 tấn lương thực, súng đạn

4. Tóm tắt diễn biến.

-Sáng ngày 16/9/1950 ta tập trung lực lượng tấn công cụm cứ điểm Đông Khê đến ngày 18/9 ta hoàn toàn tiêu diệt cụm cứ điểm Đông Khê đẩy địch vào tình thế nguy khốn: Cao Bằng bị cô lập, Thất Khê bị uy hiếp, hệ thống phòng ngự trên đường số 4 bị cắt làm đôi.

-Mắt Đông Khê địch phải cho quân rút khỏi Cao Bằng bằng một cuộc hành quân kếp.

+Cho một cánh quân từ Thất Khê lên đánh chiếm lại Đông Khê và đón cánh quân Cao Bằng về.

+Một cánh quân khác đánh lên Thái Nguyên để thu hút lực lượng của ta đồng thời cứu nguy cho đồng bọn của chúng ở Biên Giới.

-Đoán được ý đồ của địch ta bố trí quân mai phục, kiên nhẫn chờ đợi đánh quân tiếp viện. Sau 8 ngày chiến đấu (từ ngày 1/10 đến 8/10/1950) ta đã tiêu diệt gọn hai binh đoàn của địch làm sụp đổ hoàn toàn kế hoạch rút quân của chúng.

-Từ ngày 10 đến 22/10/1950 địch hốt hoảng rút khỏi các cứ điểm còn lại trên đường số 4. Chiến dịch kết thúc thắng lợi.

5. Kết quả và ý nghĩa lịch sử.

a.Kết quả:

-Loại khỏi vòng chiến đấu 8300 tên địch, thu và phá hủy 3000 tấn vũ khí và phương tiện chiến tranh.

-Khai thông biên giới Việt Trung dài 750 Km

-Chọc thủng hành lang Đông Tây.

-Căn cứ địa Việt Bắc được giữ vững

b.Ý nghĩa.

-Là thất bại lớn của địch cả về quân sự lẫn chính trị, địch bị đẩy vào thế phòng ngự bị động.

-Đánh dấu bước chuyển biến quan trọng trong cục diện chiến trường.Ta bắt đầu giành quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính.

Câu 18.Cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 -1954.

1.Kế hoạch quân sự NaVa.

a.Hoàn cảnh ra đời. Sau 8 năm tiến hành cuộc kháng chiến.

-Lực lượng kháng chiến của ta ngày càng lớn mạnh và trưởng thành.

-Pháp sa lầy và suy yếu nghiêm trọng:

+Liên tục bị thất bại số quân thiệt hại lên đến 39.000 tên, vùng chiếm đóng bị thu hẹp, mâu thuẫn giữa tập trung và phân tán ngày càng sâu sắc.

+Chi phí cho chiến tranh ngày càng cao làm cho nền kinh tế tài chính kiệt quệ.

+Tình hình chính trị xã hội bất ổn, chính phủ lập lên đổ xuống nhiều lần.

Trước tình hình đó để cứu vãn tình thế thực dân Pháp tranh thủ thêm viện trợ của Mỹ, tập trung mọi cố gắng đẩy mạnh chiến tranh hòng tìm ra một lối thoát “trong thắng lợi”. Ngày 7/5/1953, với sự thỏa thuận của Mỹ, Pháp cử tướng NaVa sang Đông Dương làm tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp. Kế hoạch quân sự NaVa ra đời.

b.Mục đích: Nhằm xoay chuyển tình thế của cuộc chiến tranh, tức là chuyển từ bại thành thắng. Chúng hy vọng trong vòng 18 tháng sẽ kết thúc chiến tranh.

c.Nội dung. Chia làm hai bước

***.Bước 1.** (Thu Đông 53 và Xuân 54): Giữ thế phòng ngự chiến lược ở chiến trường Miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược miền Nam, mở rộng ngụy quân và xây dựng lực lượng cơ động mạnh.

***.Bước hai** (Từ Thu Đông 54):Chuyển lực lượng ra chiến trường miền Bắc thực hiện tiến công chiến lược giành lấy thắng lợi quân sự quyết định buộc ta phải đàm phán theo những điều có lợi cho chúng.

e.Triển khai thực hiện.

-Tăng quân viễn chinh lên đến 12 tiểu đoàn, tăng cường bắt lính và phát triển quân ngụy, chuyển quân từ các chiến trường khác tập trung về đồng bằng Bắc Bộ lên đến 84 tiểu đoàn.

-Mở nhiều cuộc hành quân càn quét để phá hoại vùng tự do của ta.

Tóm lại: Kế hoạch quân sự NaVa là kế hoạch chiến lược có quy mô rộng lớn, thể hiện sự cố gắng lớn nhất và cũng là cuối cùng của thực dân Pháp có sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn của Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương. Kế hoạch này ra đời trong hoàn cảnh bị động, trong thế thua nên nó chứa đựng đầy mâu thuẫn và nảy sinh mầm mống thất bại ngay từ đầu. Vì vậy sự thất bại là không hề tránh khỏi.

2. Cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 -1954.

a. Chủ trương của ta: Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về mặt chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai, đồng thời buộc chúng phải bị động phân tán lực lượng đối phó với ta ở những địa bàn xung yếu mà chúng không thể bỏ, tạo điều kiện thuận lợi để ta tiêu diệt chúng.

**Phương châm tác chiến của ta là:* “Tích cực, chủ động, cơ động linh hoạt, đánh ăn chắc, tiến ăn chắc, chắc thắng thì đánh cho kì thắng không chắc thắng thì kiên quyết không đánh.

b. Các cuộc tiến công chiến lược của ta trong Đông Xuân 53-54.

Trong Đông xuân 53-54, thực hiện chủ trương chiến lược của Đảng ta chủ động mở hàng loạt các chiến dịch tấn công địch trên nhiều hướng, trên khắp chiến trường Đông Dương như Tây Bắc, Thượng Lào, Trung Lào và Bắc Tây Nguyên, buộc chúng phải phân tán lực lượng thành 5 nơi: Đồng bằng Bắc Bộ, Điện Biên Phủ, Sê Nô, Plây cu, Luông pha băng.

-Giữa tháng 11/1953, ta tiến công Tây Bắc giải phóng Lai Châu, uy hiếp Điện Biên Phủ, Na va phải điều quân tăng cường cho Điện Biên Phủ biến Điện Biên Phủ thành nơi tập trung quân thứ hai của địch.

-Đầu tháng 12/1953 liên quân Việt Lào tấn công Trung Lào, giải phóng tỉnh Thà Khẹt, bao vây uy hiếp Sê Nô. Na Va phải tăng cường quân cho Sê Nô biến Sê nô thành nơi tập trung quân thứ ba của địch

-Đầu tháng 2/1954, quân ta tấn công địch ở Bắc Tây Nguyên giải phóng tỉnh Kom Tum, uy hiếp Plâycu. Na Va lại phải điều quân tăng cường cho Plâycu biến Plâycu thành nơi tập trung quân thứ tư của địch.

-Cũng đầu năm 1954, liên quân Việt Lào tiến công địch ở Thượng Lào giải phóng tỉnh Phong-xa-li uy hiếp Luông-Pha-băng. Na Va vội vã điều quân tăng cường cho Luông-Pha-băng biến nơi đây thành nơi tập trung quân thứ năm của địch.

Tóm lại. Trong Đông Xuân 53-54, quân và dân ta đã chủ động tấn công địch trên mọi hướng chiến lược khác nhau. Qua đó ta tiêu diệt nhiều sinh lực địch giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn đồng thời buộc chúng phải phân tán khỏi quân cơ động ở đồng bằng Bắc Bộ thành năm điểm đóng quân: Đồng bằng Bắc Bộ, Điện Biên Phủ, Sê nô, Plây cu, Luông –pha- băng làm cho kế hoạch Na Va bước đầu bị phá sản, tạo thời cơ thuận lợi để mở trận quyết chiến chiến lược ở Điện Biên Phủ.

Câu 19. Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ 1954.

1 Âm mưu của Pháp Mỹ trong việc chiếm đóng xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

-Trong tình thế kế hoạch Na Va bước đầu bị phá sản, Pháp và Mỹ tập trung xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh, một “**Pháo đài không thể công phá**”, nhằm thu hút lực lượng của ta vào đây để tiêu diệt: Điện Biên Phủ trở thành khâu chính, là trung tâm điểm của kế hoạch quân sự Na Va.

-Pháp đã bố trí Điện Biên Phủ thành một hệ thống phòng ngự kiên cố gồm 49 cứ điểm, hai sân bay, được chia thành ba phân khu:

+*Phân khu Bắc*: Gồm 3 cứ điểm Him Lam, Độc Lập, Bản Kéo án ngữ phía Bắc

+*Phân khu trung tâm*: Đây là trung tâm đầu não của Điện Biên Phủ. Ở đây có sở chỉ huy địch và sân bay Mường Thanh.

+*Phân khu Nam*: Nằm ở phía Nam Điện Biên Phủ có trận địa pháo và sân bay Hồng Cúm.

-Lực lượng của địch ở đây có 16.200 đủ các loại. binh chủng và phương tiện chiến tranh hiện đại.

Với cách bố trí như vậy nên cả Pháp lẫn Mỹ điều cho rằng Điện Biên Phủ là “*Một pháo đài bất khả xâm phạm*”; là “*một con Nhím khổng lồ ở vùng rừng núi Tây Bắc*”; nên chúng sẵn sàng giao chiến với ta ở Điện Biên Phủ.

2 Chủ trương và sự chuẩn bị của ta:

a. Chủ trương. Tháng 12/1953 Đảng ta chọn Điện Biên Phủ làm điểm quyết chiến chiến lược giữa ta và Pháp.

Phương châm tác chiến của ta là. *Đánh chắc tiến chắc

b. Công tác chuẩn bị. Quân dân ta đã chuẩn bị tích cực với tinh thần “*Tất cả cho tuyên tuyến, tất cả để chiến thắng*”, ta đã huy động 261464 lực lượng dân công vận chuyển hàng ngàn tấn lương thực, vũ khí, làm hàng ngàn Km đường để vận chuyển, đào hàng trăm Km đường hầm ôm chặt lấy Điện Biên Phủ.

3. Tóm tắt diễn biến. Chiến dịch diễn ra từ 13/3 đến 7/5/1954 chia làm 3 đợt

-**Đợt 1:** (13/3/1954 - 17/3/1954) Quân ta tiến công tiêu diệt cụm cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc, diệt 2000 tên phá hủy 26 máy bay.

-**Đợt 2:** (Từ 30/3 - 26/4/1954) Quân ta đồng loạt tấn công vào các cao điểm phía đông khu trung tâm Mường Thanh. Cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng ác liệt nhất là trên các quả đồi A₁ C₁. Trong đợt 2 ta đã khép chặt vòng vây ở khu trung tâm Mường Thanh cắt đứt con đường tiếp tế bằng hàng không, địch lâm vào tình thế vô cùng nguy khốn

-**Đợt 3:** (Từ 1/5-7/5/1954). Quân ta đồng loạt tiến công vào khu trung tâm Mường Thanh và khu Hồng Cúm. Chiều ngày 7/5 quân ta đánh vào sở chỉ huy địch. Đến 17h30 ngày 7/5/1954 lá cờ quyết chiến quyết thắng bay trên nóc hầm Đơ Cát. Tướng Đơ Cát và toàn bộ Bộ tham mưu của địch ra hàng. Chiến dịch toàn thắng.

4. Kết quả và ý nghĩa.

a. Kết quả.

-Ta loại khỏi vòng chiến đấu 16.200 tên, bắn rơi và phá hủy 62 máy bay và thu nhiều phương tiện chiến tranh...

-Đập ta hoàn toàn kế hoạch Na va và mọi mưu đồ chiến lược của Pháp Mỹ.

b. Ý nghĩa lịch sử.

**Trong nước:*

-Đây là chiến thắng oanh liệt nhất của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp và bọn can thiệp Mỹ.

-Thể hiện cao độ truyền thống yêu nước, tinh thần quyết chiến quyết thắng, chủ nghĩa anh hùng cách mạng của quân và dân ta.

-Góp phần quyết định vào thắng lợi của Hội nghị Giơ-ne-ve.

**Thế giới:*

-Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới

-Góp phần làm lung lay và tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân.

-Chứng minh một chân lý của thời đại: *“Trong điều kiện thế giới ngày nay một dân tộc dù đất không rộng, người không đông, nếu quyết tâm chiến đấu vì độc lập tự do, có đường lối quân sự chính trị đúng đắn, được quốc tế ủng hộ thì hoàn toàn có khả năng đánh bại mọi thế lực đế quốc hung bạo”*.

Câu 20. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Pháp.

1. Nguyên nhân thắng lợi.

-Nhờ có sự lãnh đạo sáng suốt và tài tình của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối quân sự, chính trị ngoại giao đúng đắn, đó là: Kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, thực hiện đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện trường kỳ và tự lực cánh sinh.

-Nhân dân ta có truyền thống yêu nước chống giặc ngoại xâm.

-Nhờ toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đoàn kết một lòng quyết tâm chiến đấu vì độc lập tự do cho Tổ Quốc.

-Nhờ xây dựng được hậu phương vững chắc đã huy động cao nhất sức người, sức của cho cuộc kháng chiến.

-Nhờ tinh thần đoàn kết chiến đấu của ba nước Đông Dương, sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa, sự đồng tình ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới.

2. Ý nghĩa lịch sử:

a. Đối với dân tộc

-Buộc Pháp phải thừa nhận độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Chấm dứt ách thống trị của Pháp gần một thế kỷ: Buộc Pháp phải rút quân về nước.

-Mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc: Độc lập tự do và đi lên chủ nghĩa xã hội.

-Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, thành quả cách mạng tháng tám được bảo vệ, tạo điều kiện để miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội.

b. Đối với thế giới.

-Giáng một đòn mạnh mẽ vào chủ nghĩa thực dân kiểu cũ, vào tham vọng xâm lược và nô dịch của chủ nghĩa đế quốc, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chúng.

-Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

-Đập tan âm mưu của đế quốc Mỹ muốn thay chân Pháp độc chiếm Đông Dương để ngăn chặn phong trào giải phóng dân tộc và ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội ở vùng Đông Nam Á.

-Chứng minh một chân lý của thời đại: *“Trong điều kiện thế giới ngày nay một dân tộc dù đất không rộng, người không đông, nếu quyết tâm chiến đấu vì độc lập tự do, có đường lối quân sự chính trị đúng đắn, được quốc tế ủng hộ thì hoàn toàn có khả năng đánh bại mọi thế lực đế quốc hung bạo”*.

Câu 21. Phong trào Đồng khởi (1959-1960)

1. Nguyên nhân.

-Do đế quốc Mỹ đã chà đạp trắng trợn một cách thô bạo lên độc lập chủ quyền của dân tộc ta.

+Từ 1957-1959 Mỹ - Diệm đã tăng cường chính sách khủng bố, với các chính sách *“tố cộng”*, *“diệt cộng”* để đàn áp cách mạng miền Nam.

+Đặc biệt tháng 5/1959 chúng cho ra đời bộ luật phát xít 10-59 lê máy chém đi khắp miền Nam đã giết hại hàng loạt những người vô tội

-Trên cơ sở phân tích tình hình miền Nam dưới chế độ Mỹ-Diệm, Hội nghị trung ương Đảng lần thứ 15 (2/1959) đã xác định con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là: Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh vũ trang để đánh đổ ách thống trị của Mỹ-Diệm.

☞ Chính sách khủng bố tàn bạo đó đã buộc nhân dân miền Nam phải đứng lên đấu tranh một mất một còn với chúng.

2. Diễn biến.

-Phong trào được bắt đầu từ những cuộc nổi dậy lẻ tẻ ở từng địa phương như: Cuộc nổi dậy của nhân dân Bắc Ái (Ninh Thuận), Vĩnh Thạnh (Bình Định), Trà Bông (Quảng Ngãi) rồi phong trào lan rộng khắp miền Nam thành cao trào cách mạng với cuộc *“Đồng Khởi”*, tiêu biểu ở Bến Tre.

-Ngày 17/1/1960 dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy Bến Tre nhân dân các xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh thuộc huyện Mỏ Cày tỉnh Bến Tre với gậy gộc, giáo mác, súng ống các loại đã nổi dậy đồng loạt đánh đồn bốt, diệt ác ôn, giải tán chính quyền địch thành lập chính quyền cách mạng. Cuộc nổi dậy lan nhanh toàn huyện Mỏ

Cày và tỉnh Bến Tre. Từ Bến Tre phong trào “*Đồng khởi*” như nước vỡ bờ lan khắp Nam Bộ, Tây Nguyên, và một số tỉnh miền Trung Trung bộ.

3. Kết quả và ý nghĩa lịch sử

a. Kết quả:

- Phong trào đã phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị của địch ở nhiều vùng nông thôn, trên cơ sở đó chính quyền nhân dân được thành lập.

- Từ phong trào Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời (20/12/1960) đại diện cho nhân dân miền Nam.

- Làm phá sản chiến lược chiến tranh một phía của Mỹ.

b. Ý nghĩa lịch sử.

- Phong trào “*Đồng Khởi*” đã giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân kiểu mới của Mỹ ở miền Nam, làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm.

- Thắng lợi của phong trào “*Đồng Khởi*” đã đánh dấu bước nhảy vọt của cách mạng miền Nam. Chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công

Câu 22. Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ-ngụy, trong chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*”. Quân và dân ta đã chiến đấu chống “*Chiến tranh đặc biệt*” đó như thế nào?

1. Chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*” của Mỹ-Ngụy ở miền Nam Việt Nam.

1.1/ Hoàn cảnh lịch sử:

- Sau phong trào “*Đồng Khởi*”, cách mạng miền Nam phát triển mạnh mẽ.

- Trên thế giới phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ đang đe dọa hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

☞ Để cứu vãn tình thế, đế quốc Mỹ dưới thời tổng thống Kennedy đã chuyển sang thực hiện chiến lược chiến tranh đặc biệt ở miền Nam từ 1961-1965.

* **Chiến tranh đặc biệt** là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mỹ được tiến hành bằng quân đội tay sai là chủ yếu do cố vấn Mỹ chỉ huy dựa vào vũ khí trang bị và phương tiện chiến tranh của Mỹ.

1.2/ Âm mưu và thủ đoạn.

* **Âm mưu:** Chiến tranh đặc biệt là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mỹ với âm mưu cơ bản là “*dùng người Việt đánh người Việt*”. Đây là âm mưu vô cùng thâm độc của loại hình chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mỹ.

* **Thủ đoạn** (Biện pháp thực hiện)

- Mỹ thực hiện chiến tranh đặc biệt bằng lực lượng chính là quân ngụy với vũ khí và sự chỉ huy của Mỹ.

- Mỹ tăng nhanh viện trợ quân sự cho Ngô Đình Diệm chúng đưa vào miền Nam ngày càng lớn số cố vấn quân sự và lực lượng hỗ trợ chiến đấu. số liệu.....

- Để kiểm soát nhân dân và cô lập lực lượng cách mạng miền Nam Mỹ ngụy ráo riết dồn dân lập ấp chiến lược chúng dự định dồn 10 triệu dân vào 16000 ấp.

-Sử dụng phổ biến các chiến thuật chiến tranh mới như “trục thẳng vận”, “thiết xa vận”

-Tiến hành những cuộc hành quân càn quét để tiêu diệt lực lượng cách mạng.

-Tiến hành phong tỏa biên giới, vùng biển nhằm ngăn chặn sự chi viện từ bên ngoài vào miền Nam

2.Quân và dân ta đã chiến đấu chống “Chiến tranh đặc biệt”

2.1/Xây dựng và củng cố lực lượng:

-Ngày 20/12/1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập.

-2/1961, các lực lượng vũ trang cách mạng thống nhất thành quân giải phóng miền Nam Việt Nam.

-1/1961, Trung ương cục miền Nam được thành lập thay cho xứ ủy Nam bộ cũ

2.2/Phương pháp và hình thức đấu tranh:

-Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

-Sử dụng ba thứ quân (Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích), tiến công địch trên ba vùng chiến lược (rừng núi, đồng bằng và đô thị), bằng ba mũi giáp công (Chính trị, quân sự và binh vận)

2.3/Những thắng lợi quan trọng.

**Trên mặt trận chống phá bình định (phong trào phá ấp chiến lược)* Cuộc đấu tranh dai dẳng, quyết liệt giữa việc lập và phá ấp chiến lược. Đến cuối năm 64 đầu năm 65 từng mảng lớn ấp chiến lược bị phá trở thành làng chiến đấu .

**Trên mặt trận chính trị:* Phong trào diễn ra mạnh mẽ ở hầu khắp các đô thị lớn như Đà Nẵng , Huế ,Sài Gòn

-Ngày 8/5/1963 hai vạn tăng ni phật tử ở Huế biểu tình.

-Ngày 11/6/1963, tại Sài Gòn hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu.

-Ngày 16/6/1963, 70 vạn quần chúng Sài Gòn biểu tình.

-Ngày 1/11/1963 mỹ tôlr chúc cuộc đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm.

**Trên mặt trận quân sự*

-Năm 1962 đánh bại nhiều cuộc hành quân càn quét của địch vào chiến khu D (miền Đông Nam Bộ), U Minh, Tây Ninh...

-Ngày 2/1/1963 ta giành thắng lợi lớn trong trận Ấp Bắc (huyện Cai Lậy tỉnh Mỹ Tho) tiêu diệt 450 tên địch.

-Trong Đông Xuân 64-65 ta giành thắng lợi trong trận Bình Giả,tiêu diệt 1700 tên thừa thắng ta liên tục giành nhiều thắng lợi như An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Biên Hòa).

Đến giữa 1965, ba chỗ dựa chủ yếu của chiến tranh đặc biệt bị lung lay tận gốc, chiến lược “ Chiến tranh đặc biệt” bị phá sản.

2.4/Ý nghĩa.

-Cách mạng miền Nam luôn ở tư thế chủ động.

-Làm thất bại âm mưu của Mỹ trong việc dùng miền Nam để thực hiện thí điểm một loại hình chiến tranh mới để đàn áp cách mạng thế giới

Câu 23. Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ-ngụy, trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” Quân và dân ta đã chiến đấu chống “Chiến tranh cục bộ” đó như thế nào?

1. Chiến lược “Chiến tranh Cục bộ” của Mỹ-Ngụy ở miền Nam Việt Nam.

1.1/ Hoàn cảnh lịch sử: Đầu năm 1965 đứng trước nguy cơ thất bại hoàn toàn của chiến lược Chiến tranh đặc biệt. Đế quốc Mỹ dưới thời tổng thống Johnson đã chuyển sang thực hiện chiến lược “Chiến tranh Cục bộ” ở miền Nam đồng thời gây chiến tranh phá hoại miền Bắc.

***Chiến tranh Cục bộ** là một hình thức chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới được tiến hành bằng quân viễn chinh Mỹ, quân chư hầu và quân ngụy trong đó quân Mỹ giữ vai trò quan trọng, cùng với vũ khí và phương tiện chiến tranh của Mỹ.

1.2/ Âm mưu và thủ đoạn.

***Âm mưu:** Đẩy mạnh chiến tranh xâm lược, đàn áp và bình định cho được miền Nam, phá hoại miền Bắc đồng thời cứu nguy cho quân ngụy.

***Thủ đoạn:**

-Ồ ạt đưa quân viễn chinh Mỹ, quân chư hầu cùng với vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại vào miền Nam.

-Chúng cho xây dựng nhiều căn cứ quân sự lớn như Đà Nẵng, Chu Lai, Cam Ranh, Vũng Tàu, Tân Sơn Nhất.

-Vừa vào miền Nam chúng mở ngay những cuộc hành quân tìm diệt, đầu tiên đánh vào căn cứ Vạn Tường (Quảng Ngãi). Sau đó thực hiện nhiều cuộc phản công chiến lược trong hai mùa khô 65-66 và 66-67.

-Để hỗ trợ cho chiến lược Chiến tranh Cục bộ ở miền Nam Mỹ còn dùng không quân và hải quân bắn phá miền Bắc nhằm phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

2. Cuộc chiến đấu của quân và dân ta chống “Chiến tranh Cục bộ”.

2.1/ Chiến thắng Vạn Tường (8/1965).

-Mở sáng ngày 8//8/1965 Mỹ huy động một lực lượng lớn gồm 900 tên cùng vũ khí hiện đại, mở cuộc hành quân vào căn cứ Vạn Tường.

-Sau một ngày chiến đấu ta đã đẩy lùi được cuộc hành quân của địch, tiêu diệt gọn 900 tên địch, bắn cháy 22 xe, 13 máy bay.

***Ý nghĩa:** Chiến thắng Vạn Tường chứng tỏ quân dân miền Nam hoàn toàn có đủ khả năng đương đầu và đánh bại quân viễn chinh Mỹ.

2.2 Chiến thắng trong mùa khô 65-66.

-Trong mùa khô 65-66 với lực lượng 720.000 tên, Mỹ mở cuộc phản công chiến lược qui mô lớn lần thứ nhất với 450 cuộc hành quân vào hai hướng chính là đồng bằng Liên khu V và miền Đông Nam Bộ hòng bẻ gãy xương sống Việt cộng

-Quân và dân ta đã đập tan cuộc phản công lần thứ nhất của địch loại khỏi vòng chiến đấu 67.000 tên.

2.3 Chiến thắng trong mùa khô 66-67.

-Trong mùa khô 66-67 với lực lượng 980.000 tên, Mỹ mở cuộc phản công chiến lược qui mô lớn lần thứ hai với 895 cuộc hành quân vào hướng chính là miền Đông Nam Bộ với ý đồ là tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não của ta.

-Quân và dân ta đã đập tan cuộc phản công lần thứ hai của địch loại khỏi vòng chiến đấu 175.000 tên.

**Ý nghĩa*: Với chiến thắng trong hai mùa khô làm cho gọng kìm tìm diệt của địch bị bẻ gãy hoàn toàn. Góp phần làm phá sản chiến lược Chiến tranh Cục bộ, là điều kiện để quân dân miền Nam nổi dậy tết Mậu Thân 1968.

2.4/Cuộc tiến công và nổi dậy đồng loạt tết Mậu Thân 1968.

**Hoàn cảnh*:

-Bước vào mùa Xuân 1968, so sánh lực lượng giữa ta và địch thay đổi có lợi cho ta sau hai mùa khô (1965-1966) và (1966-1967) làm cho tinh thần chiến đấu của binh lính Mỹ giảm sút.

-Năm 68 lại là năm bầu cử tổng thống Mỹ, có thể trong nội bộ giới cầm quyền Mỹ nảy sinh nhiều mâu thuẫn mà ta có thể lợi dụng.

☞ Ta chủ trương mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam, trọng tâm là ở các đô thị.

**Diễn biến kết quả*: Cuộc tiến công và nổi dậy đồng loạt năm 68 được mở đầu bằng cuộc tập kích chiến lược ngay trong đêm 30 rạng ngày 31/1/1968 (đêm giao thừa tết Mậu Thân). Ta tiến công vào hầu hết các đô thị miền Nam và diễn ra qua ba đợt.....

-Trong đợt 1 ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 150.000 tên địch, phá hủy một khối lượng lớn xe và phương tiện chiến tranh.

**Ý nghĩa*: Làm lung lay ý chí xâm lược của quân viễn chinh Mỹ, buộc chúng phải tuyên bố “*Phi Mỹ hóa*” chiến tranh, tức là thừa nhận sự thất bại của *Chiến tranh Cục bộ*, chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán ở Pa ri để bàn về việc chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Câu 24. Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ-ngụy, trong chiến lược “*Việt Nam hóa*” chiến tranh. Quân và dân ta đã chiến đấu chống chiến lược “*Việt Nam hóa*” đó như thế nào?

1. Chiến lược “*Việt Nam hóa*” chiến tranh của Mỹ.

1.1/Hoàn cảnh lịch sử. Do bị thất bại nặng nề trong chiến tranh cục bộ ở miền Nam và chiến tranh phá hoại ở miền Bắc. Đế quốc Mỹ dưới thời tổng thống Ních Xon chuyển sang thực hiện chiến lược “*Việt Nam hóa*” chiến tranh.

* **Việt Nam hóa chiến tranh** là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mỹ, được tiến hành bằng quân đội tay sai là chủ yếu, có sự hỗ trợ của một lực

lượng chiến đấu Mỹ', do cố vấn Mỹ chỉ huy cùng với vũ khí và phương tiện chiến tranh của Mỹ.

1.2/Âm mưu và thủ đoạn:

a.Âm mưu:

-Tiếp tục thực hiện chính sách dùng “*người việt trị người Việt*”, tận dụng triệt để xương máu của người Việt Nam để giảm xương máu của người Mỹ trên chiến trường.Thay màu da trên xác chết.

-Xoa dịu dư luận của nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới để tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược.

b.Thủ đoạn:

-Rút dần quân viễn chinh Mỹ và quân các nước thân Mỹ khỏi miền Nam. Tăng cường xây dựng và viện trợ cho quân ngụy để quân ngụy có thể tự đứng vững và tự gánh vác lấy chiến tranh.

-Tăng cường đầu tư vốn, kỹ thuật phát triển kinh tế miền Nam, vừa để lừa bịp vừa để bóc lột nhiều hơn để giảm gánh nặng cho Mỹ.

-Mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai, tăng cường, mở rộng chiến tranh xâm lược Lào Cam pu chia, mà lực lượng xung kích là lực lượng ngụy quân (dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương)

- Dùng thủ đoạn ngoại giao bắt tay câu kết với các nước xã hội chủ nghĩa để gây sức ép và cô lập Việt Nam trên trường quốc tế.

2.Quân dân miền Nam đánh bại chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh.

2.1. Trên mặt trận chính trị.

-6/6/1969 Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời, được nhân dân trong nước và thế giới ủng hộ

-4/1970 Hội nghị cấp cao ba nước Đông dương được triệu tập thể hiện sự đoàn kết chiến đấu của ba nước trong chống kẻ thù chung.

- Phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân, học sinh, sinh viên ngày càng phát triển mạnh mẽ đặc biệt ở Huế Đà Nẵng, Sài Gòn.

2.2.Trên mặt trận quân sự.

-Năm 70 phối hợp với quân dân Cam Pu Chia đập tan cuộc hành quân xâm lược Cam Pu Chia của 10 vạn Mỹ ngụy Sài Gòn, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 17.000 tên, giải phóng một vùng rộng lớn lãnh thổ Cam pu Chia.

-Năm 1971 cùng với quân dân Lào đập tan cuộc hành quân chiếm giữ đường 9 Nam Lào, loại khỏi vòng chiến 22.000 quân Mỹ-Ngụy. Bảo vệ được hành lang chiến lược của ba nước Đông Dương.

-Đầu năm 1972 ta chủ động mở cuộc tiến công chiến lược đánh vào quân Mỹ-Ngụy trên khắp miền Nam, bắt đầu từ ngày 30/3/1972, ta đánh vào 3 hướng chính là Quảng Trị , Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Sau gần 3 tháng (30/3-6/1972) ta đã chọc thủng 3 phòng tuyến quan trọng của địch. Đây chiến lược Việt Nam hóa đứng trước nguy cơ bị phá sản

***Ý nghĩa.**

-Giáng một đòn nặng nề vào quân nguy và quốc sách bình định của chiến lược Việt Nam hóa, tạo ra bước ngoặt cho cuộc kháng chiến chống Mỹ.

-Buộc Mỹ phải tuyên bố Mỹ hóa trở lại cuộc chiến tranh tức là thừa nhận sự thất bại của chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh

Câu 25. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975: Chủ trương, kế hoạch của ta, diễn biến, kết quả, nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử.

1. Chủ trương, kế hoạch.

1.1. Hoàn cảnh. Sau Hiệp định Pa ri tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng.

***Địch:** Suy yếu nghiêm trọng

-Quân Mỹ và quân Đồng minh rút hết về nước làm cho chính quyền và quân đội Sài Gòn, bị cô lập và mất chỗ dựa.

-Viện trợ của Mỹ cho chính quyền Sài Gòn ngày càng giảm dần.

-Vùng chiếm đóng bị thu hẹp dần.

***Ta:** Hơn hẳn địch cả về thế và lực.

-Có cơ sở pháp lý quốc tế là Hiệp định Pa ri

-Miền Bắc là hậu phương vững chắc.

-Ở miền Nam: Lực lượng cách mạng trưởng thành, vùng giải phóng được mở rộng.

1.2. Chủ trương. Trước thời cơ chiến lược mới, Bộ chính trị quyết định đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong 2 năm 1975-1976.

1.3. Kế hoạch .

-Năm 1975 sẽ tranh thủ thời cơ, bất ngờ tấn công trên qui mô lớn khắp miền Nam tạo điều kiện để năm 1976 giải phóng hoàn toàn miền Nam.

-Bộ chính trị còn dự kiến: Nếu thời cơ đến đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng hoàn toàn miền Nam trong năm 1975.

-Trong khi Bộ chính trị đang họp thì ngày 6/1/1975 quân dân miền Nam giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long quân địch không còn khả năng đánh chiếm lại căn cứ điều đó chứng tỏ chúng suy yếu đi nhiều. Tình hình đó Bộ chính trị quyết định giải phóng hoàn toàn miền Nam trong năm 1975.

2. Diễn biến

2.1. Chiến dịch Tây Nguyên. (Từ ngày 4/3 đến ngày 24/3/1975)

***Vị trí chiến lược của Tây Nguyên.** Là địa bàn chiến lược quan trọng:

-Tây nguyên được xem như ngôi nhà chung của ba nước Đông Dương

-Từ Tây Nguyên có thể tỏa xuống các tỉnh ven biển miền Trung, và Nam Bộ.

-Khu vực và mục tiêu tấn công lớn của ta là Tây Nguyên với trận đánh mở màn then chốt là Buôn Ma Thuột, vì lực lượng của địch ở đây tương đối yếu.

***Diễn biến**

-Đầu tháng 3/1975 ta đánh nghi binh ở Pleyku, Kom Tum, đồng thời bí mật bao vây Buôn Ma Thuột.

-10/3/1975, ta bắt ngờ tấn công Buôn Ma Thuột và giành thắng lợi nhanh chóng.

-14/3/1975, địch rút chạy khỏi Tây Nguyên, trên đường rút chạy chúng bị quân ta truy kích tiêu diệt

-Ngày 24/3/1975 chiến dịch kết thúc ta giải phóng hoàn toàn Tây Nguyên.

* *Ý nghĩa*: Chiến dịch Tây Nguyên đã mở ra quá trình sụp đổ hoàn toàn của ngụy quân, ngụy quyền. Đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ chuyển sang một thời kỳ mới.

2.2 Chiến dịch Huế Đà Nẵng (21/3 - 29/3/1975)

-Sau thắng lợi ở Tây Nguyên Bộ chính trị hạ quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam trước mùa mưa 1975. Muốn vậy phải nhanh chóng giải phóng toàn bộ miền Trung. Trong đó Huế và Đà Nẵng mang tính chất quyết định.

-Ngày 19/3/1975 ta giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Trị, chiếm đèo Hải Vân và cô lập Huế

-25/3/1975 quân ta tiến vào cố đô Huế, đến ngày 26/3 ta giải phóng thành phố Huế và toàn bộ tỉnh Thừa Thiên. Cùng thời gian này ta giải phóng Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Chu Lai tạo thế uy hiếp Đà Nẵng từ phía Nam.

-Sáng ngày 29/3/1975 ta tấn công Đà Nẵng đến 3h chiều cùng ngày chiếm được thành phố, Đà Nẵng hoàn toàn giải phóng

* *Ý nghĩa*: Chiến thắng Huế Đà Nẵng đã gây nên tâm lí tuyệt vọng của ngụy quân đưa cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta tiến lên một bước mới với sức mạnh áp đảo.

2.3. Chiến dịch Hồ Chí Minh Lịch sử

-Ngày 9/4/1975, quân ta tấn công Xuân Lộc-một căn cứ phòng thủ trọng yếu bảo vệ Sài Gòn từ phía Đông.

-Ngày 16/4/1975 ta phá vỡ tuyến phòng thủ của địch ở Phan Rang.

-Ngày 21/4/1975 quân địch ở Xuân Lộc tháo chạy, bộ đội ta áp sát Sài Gòn.

-Ngày 18/4/1975 tổng thống Mỹ ra lệnh di tản hết người Mỹ khỏi Sài Gòn.

-17h ngày 26/4/1975 ta nổ súng mở đầu chiến dịch Hồ Chí Minh, năm cánh quân của ta cùng lúc tiến vào trung tâm Sài Gòn.

-Đêm 28 rạng ngày 29/4/1975 tất cả các cánh quân của ta được lệnh tổng công kích vào trung tâm thành phố đánh chiếm các cơ quan đầu não của chính quyền Sài Gòn như Dinh độc lập, sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ tổng tham mưu ngụy, bộ tư lệnh cảnh sát ngụy, Đài phát thanh.....

-10h, ngày 30/4/1975, xe tăng của ta tiến thẳng vào Dinh độc lập bắt sống toàn bộ ngụy quyền trung ương. Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện.

-11h 30 ngày 30/4/1975 cờ cách mạng tung bay trên nóc phủ tổng thống ngụy. Thành phố Sài Gòn hoàn toàn giải phóng. **Chiến dịch Hồ Chí Minh Lịch sử** toàn thắng

2.4. Kết quả, Ý nghĩa lịch sử, Nguyên nhân thắng lợi.

* **Kết quả**

-*Ta*: Cuộc tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 giành thắng lợi ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1 triệu quân chủ lực nguy, đập tan hoàn toàn bộ máy nguy quyền từ Trung ương đến cơ sở. Giải phóng, hoàn toàn miền Nam thống nhất nước nhà.

-*Dịch*: Là thất bại cay đắng nhất trong lịch sử nước Mỹ.

***Ý nghĩa lịch sử**

-Chiến dịch Hồ Chí Minh là thắng lợi to lớn nhất, oanh liệt nhất của nhân dân Việt Nam trong 21 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

-Đây là thắng lợi vĩ đại nhất trong lịch sử 4000 năm của dân tộc.

-Mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc, kỷ nguyên cả nước hòa bình, độc lập, thống nhất và đi lên Chủ nghĩa xã hội.

-Làm đảo lộn chiến lược toàn cầu của Mỹ, tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào cách mạng thế giới phát triển. Đặc biệt là tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng Campuchia và cách mạng Lào tiến lên giải phóng hoàn toàn đất nước trong năm 1975.

***Nguyên nhân thắng lợi.**

-Sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng. Thể hiện rõ đường lối quân sự đúng đắn.....

-Phát huy được sức mạnh đoàn kết toàn dân. Tiêu biểu là sự đoàn kết của quân dân hai miền Nam Bắc.

-Sự đoàn kết chiến đấu của ba nước Đông Dương. Sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô-Trung Quốc và ban bè tiến bộ thế giới.

Câu 26. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

1. Nguyên nhân thắng lợi

-Nhờ có sự lãnh đạo sáng suốt tài tình của Đảng với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn sáng tạo. Đó là đường lối tiến hành đồng thời Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

-Nhân dân ta có truyền thống yêu nước nồng nàn. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước do Đảng ta lãnh đạo, truyền thống đó được phát huy cao độ và nhân lên gấp bội...

-Miền Bắc xã hội chủ nghĩa được bảo vệ vững chắc, được xây dựng củng cố và không ngừng tăng lên về tiềm lực kinh tế quốc phòng, bảo đảm thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn đối với tuyến tiền phương.....

-Tình đoàn kết gắn bó giữa nhân dân ba nước Đông Dương trong cuộc đấu tranh chống một kẻ thù chung đã tạo nên sức mạnh to lớn cho lực lượng chung của cách mạng ba nước và cho từng nước Đông Dương.

-Sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ to lớn của các lực lượng cách mạng, hòa bình dân chủ trên thế giới. Nhất là Liên Xô Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

*Trong những nguyên nhân trên thì sự lãnh đạo của Đảng với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn sáng tạo... là nguyên nhân quan trọng nhất.

Vì: Đảng lãnh đạo là nguyên nhân bao trùm, chi phối các nguyên nhân khác... Nếu không có Đảng lãnh đạo thì sẽ không có sức mạnh tổng hợp của dân tộc, không thể kết hợp được sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Sự lãnh đạo của Đảng là một nhân tố quyết định cho mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

2. Ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

2.1/Đối với dân tộc.

- Là thắng lợi vĩ đại nhất trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc dân tộc: Kết thúc 21 năm kháng chiến chống Mỹ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc từ sau cách mạng tháng Tám 1945.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ đã chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc ở nước ta hơn một thế kỷ. Trên cơ sở đó hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện thống nhất nước nhà.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ đã mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc - Kỷ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên Chủ nghĩa xã hội.

2.2/Đối với thế giới:

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ đã đập tan cuộc phản kích lớn nhất của các lực lượng phản cách mạng sau chiến tranh thế giới thứ hai.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ đã phá vỡ phòng tuyến quan trọng ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản ở Đông Nam Á của đế quốc Mỹ, góp phần làm đảo lộn chiến lược toàn cầu phản cách mạng của chúng.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ đã tăng cường liên minh chiến đấu giữa ba dân tộc Đông Dương, tăng cường lực lượng cách mạng thế giới, là nguồn cổ vũ động viên to lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, các dân tộc đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

Câu 27. Hoàn cảnh lịch sử; chủ trương; đường lối đổi mới của Đảng và những thành tựu cơ bản của công cuộc đổi mới của nước ta từ năm 1986 đến năm 1990.

1. Hoàn cảnh lịch sử (nguyên nhân, sự cần thiết) tiến hành công cuộc đổi mới đất nước.

- Trải qua 10 năm thực hiện hai kế hoạch 5 năm xây dựng Chủ nghĩa xã hội (1976-1980 và 1981-1985), nhân dân ta đã đạt được những thành tựu và tiến bộ đáng kể trong lĩnh vực kinh tế - xã hội và trong cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, chúng ta cũng gặp không ít khó khăn và yếu kém, chủ yếu là do sai lầm khuyết điểm gây nên, dẫn đến khủng hoảng kinh tế - xã hội. Hoàn cảnh đó đòi hỏi Đảng ta phải đổi mới.

2. Chủ trương, quan điểm, đường lối, nội dung đổi mới.

2.1/Chủ trương: Chủ trương, quan điểm, đường lối, nội dung đổi mới đất nước của Đảng được đề ra lần đầu tiên tại Đại hội toàn quốc lần thứ VI (12/1986). Sau đó

được điều chỉnh, bổ sung, phát triển tại Đại hội VII (6/1991), Đại hội VIII (6/1996), Đại hội IX (4/2001).

2.2/Quan điểm đổi mới: Đổi mới đất nước không phải là thay đổi mục tiêu của Chủ nghĩa xã hội, mà làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan điểm đúng đắn về Chủ nghĩa xã hội, những hình thức bước đi và biện pháp thích hợp.

2.3/Đường lối. Đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, từ kinh tế, chính trị đến tổ chức, tư tưởng, văn hóa nhưng trọng tâm là đổi mới kinh tế.

2.4/Nội dung đổi mới.

**Đổi mới kinh tế:*

-Khơi dậy mọi tiềm năng, động viên và tạo điều kiện cho mọi người phát huy ý chí tự lực, tự cường, cần kiệm ra sức làm giàu cho mình và cho đất nước.

-Xoa bỏ cơ chế quản lí kinh tế theo kiểu tập trung bao cấp, hình thành cơ chế thị trường có sự quản lí của nhà nước. Thực hiện kế hoạch kinh tế theo phương thức hạch toán kinh doanh.

-Thực hiện chính sách mở cửa và hợp tác kinh tế quốc tế.

**Đổi mới về chính trị:*

-Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước của dân, do dân và vì dân.

-Nhấn mạnh quan điểm “*lấy dân làm gốc*”, coi dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới ở nước ta.

-Đổi mới là nội dung là phương thức hoạt động của nhà nước và các đoàn thể quần chúng theo phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*”.

3.Thành tựu và ưu điểm của việc thực hiện kế hoạch 5 năm (1986-1990) (Thành tựu và ưu điểm bước đầu của công cuộc đổi mới ở nước ta).

*Đường lối đổi mới của Đảng được nhân dân hưởng ứng rộng rãi, nhanh chóng đi vào cuộc sống và đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng, chủ yếu là trong việc thực hiện những mục của “*Ba chương trình kinh tế*”

-*Về lương thực-thực phẩm:* Từ chỗ thiếu ăn, năm 1988 ta phải nhập hơn 45 vạn tấn gạo. Đến năm 1990 đã không những vươn lên đáp được nhu cầu trong nước mà còn có dự trữ và xuất khẩu, góp phần quan trọng ổn định đời sống nhân dân. Sản xuất lương thực năm 1988 đạt 19,5 triệu tấn vượt năm 1987 là 2 triệu tấn; đến năm 1989 đạt 21,4 triệu tấn.

-*Về hàng hóa thị trường:* Nhất là hàng tiêu dùng dồi dào, đa dạng và lưu thông tương đối thuận lợi, trong đó nguồn hàng sản xuất trong nước tăng hơn trước, có tiến bộ về chất lượng và mẫu mã. Các cơ sở sản xuất gắn chặt với thị trường, phân bao cấp của nhà nước giảm đáng kể.

-*Kinh tế đối ngoại* phát triển nhanh và mở rộng hơn trước về quy mô, hình thức, đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện mục tiêu kinh tế - xã hội. Trong kế hoạch 5 năm này, nhiều mặt hàng có giá trị như gạo, dầu thô... Năm 1989, ta xuất khẩu 1,5 triệu tấn gạo (đứng hàng thứ ba sau Thái Lan và Mỹ). Nhập khẩu của ta giảm đáng kể.

-Thành tựu quan trọng khác là ta đã kiềm chế được một bước lạm phát. Cụ thể nếu chỉ số tăng bình quân hàng tháng trên thị trường năm 1986 là 20%, năm 1987 là 10%, năm 1988 là 14%, năm 1989 là 2,5%, đến năm 1989 là 4,4%.

-Thắng lợi cơ bản có ý nghĩa chiến lược lâu dài là chủ trương đổi mới của Đảng đã thật sự phát huy quyền làm chủ kinh tế của nhân dân, đã khơi dậy tiềm năng và sức mạnh sáng tạo của quần chúng để phát triển sản xuất, tạo thêm việc làm cho người lao động và tăng n thêm sản phẩm xã hội.

Tóm lại , những thành tựu và ưu điểm trong bước đầu thực hiện đường lối đổi mới (1986-1990) là rất quan trọng, chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, bước đi của công cuộc đổi mới về cơ bản là phù hợp.

-----oo0oo-----

Chúc các em ôn tập tốt và đạt được kết quả cao trong mùa thi sắp đến.

